BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CHUYÊN ĐỀ HỌC TẬP

GIÁO DỤC KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT

12





sachhay-cao-khoa.com

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

NGUYỄN MINH ĐOAN – TRẦN THỊ MAI PHƯƠNG (đồng Chủ biên)
NGÔ THÁI HÀ – NGUYỄN THỊ HỒI

Chuyên đề học tập

GIÁO DỤC KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT

(Tái bản lần thứ hai)

12

sach-giao-khoa.com

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG SÁCH

Mỗi hoạt động trong sách *Chuyên đề học tập Giáo dục kinh tế và pháp luật 12* đều được chỉ dẫn bằng một kí hiệu. Thầy cô sẽ hướng dẫn các em học theo những chỉ dẫn này. Các em cũng có thể theo các kí hiệu chỉ dẫn để tự học.

MỞ ĐẦU

Giới thiệu nội dung, kết nối để dẫn vào bài mới.

KHÁM PHÁ

Hình thành kiến thức mới, kĩ năng mới nhằm trả lời các câu hỏi: Là gì? Biểu hiện như thế nào? Làm thế nào? Ý nghĩa?

LUYỆN TẬP

Củng cố tri thức, kĩ năng đã được khám phá.

VẬN DỤNG

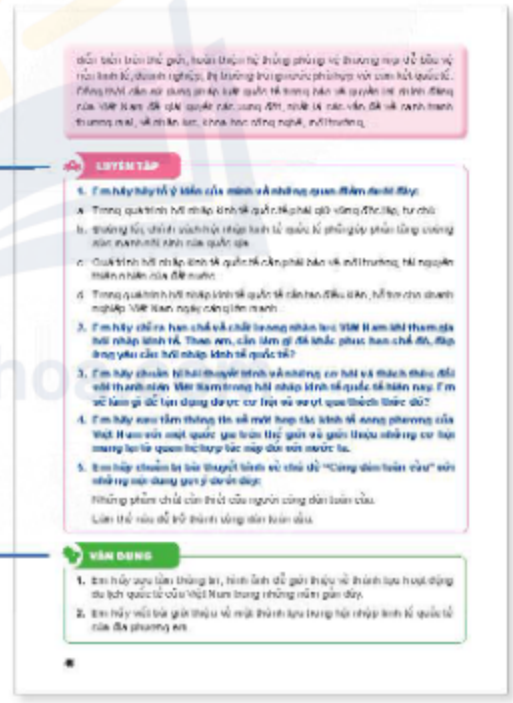
Vận dụng những tri thức đã học vào thực tiễn cuộc sống.


CHUYÊN ĐỀ 1
PHÁT TRIỂN KINH TẾ VÀ SỰ BIẾN ĐỔI VĂN HOÁ, XÃ HỘI

MỞ ĐẦU

KHÁM PHÁ

1. NHỮNG BIẾN ĐỔI VĂN HOÁ DO TÁC ĐỘNG CỦA PHÁT TRIỂN KINH TẾ


LUYỆN TẬP

VẬN DỤNG

Để các chuyên đề giáo dục kinh tế và pháp luật thực sự có ích, các em hãy thường xuyên vận dụng những điều đã học vào cuộc sống hằng ngày.

Hãy bảo quản, giữ gìn sách giáo khoa để dành tặng các em học sinh lớp sau!

Lời nói đầu

Các em thân mến!

Trong các môn học, hoạt động giáo dục, Giáo dục kinh tế và pháp luật giữ vai trò chủ đạo trong việc hình thành, phát triển ý thức và hành vi của người công dân, giúp các em củng cố, nâng cao các năng lực đã được hình thành, phát triển qua việc học tập môn Giáo dục công dân ở cấp Trung học cơ sở, có kiến thức cơ bản về kinh tế và pháp luật; vận dụng được kiến thức đã học để phân tích, đánh giá, xử lí các hiện tượng, vấn đề, tình huống kinh tế, pháp luật trong thực tiễn cuộc sống; có khả năng tham gia các hoạt động phù hợp với lứa tuổi để thực hiện quyền và nghĩa vụ công dân trong các lĩnh vực của đời sống xã hội và trong các hoạt động kinh tế.

Ở cấp Trung học phổ thông, Chuyên đề học tập Giáo dục kinh tế và pháp luật là môn học tự chọn theo nguyện vọng và định hướng nghề nghiệp của các em. Các em có định hướng theo học các ngành Giáo dục chính trị, Giáo dục công dân, Kinh tế, Hành chính, Pháp luật,... được chọn học một số chuyên đề học tập nhằm tăng cường kiến thức về kinh tế, pháp luật và kĩ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn, đáp ứng sở thích, nhu cầu và định hướng nghề nghiệp của các em.

Sách giáo khoa *Chuyên đề học tập Giáo dục kinh tế và pháp luật 12* (bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống) gồm 3 chuyên đề học tập, được biên soạn hướng đến mục tiêu hình thành, phát triển các phẩm chất, năng lực cho các em theo Chương trình môn Giáo dục công dân ở giai đoạn giáo dục định hướng nghề nghiệp. Những bài học trong sách được thiết kế theo các hoạt động với cấu trúc thống nhất. Bằng việc sử dụng các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học phù hợp được gợi mở trong mỗi bài, thầy, cô giáo sẽ giúp các em phát huy tính tích cực, sự chủ động, sáng tạo trong học tập. Việc đánh giá kết quả được thực hiện căn cứ vào các yêu cầu cần đạt về phẩm chất, năng lực được quy định trong mỗi chuyên đề, giúp các em đánh giá được sự tiến bộ của bản thân trong quá trình học tập, rèn luyện.

Khi tham gia vào các hoạt động học tập trên lớp, ở nhà cùng các bài học Chuyên đề học tập Giáo dục kinh tế và pháp luật 12, các em sẽ được tiếp cận, hiểu và vận dụng những kiến thức đã học để lí giải những hiện tượng kinh tế, xã hội, pháp luật nảy sinh trong cuộc sống phù hợp với nhận thức, tâm sinh lí lứa tuổi và quy định của pháp luật để từng bước trưởng thành, nuôi dưỡng sở thích và định hướng nghề nghiệp của mình.

Chúc các em có những giờ học vui, bổ ích và thành công!

CÁC TÁC GIẢ

Mục lục

CHUYÊN ĐỀ 1: PHÁT TRIỂN KINH TẾ VÀ SỰ BIẾN ĐỔI VĂN HOÁ, XÃ HỘI	5
CHUYÊN ĐỀ 2: MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ LUẬT DOANH NGHIỆP	15
CHUYÊN ĐỀ 3: VIỆT NAM TRONG TIẾN TRÌNH HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ	32
MỘT SỐ THUẬT NGỮ DÙNG TRONG SÁCH	47
DANH SÁCH TRANH ẢNH SỬ DỤNG	47

sach-giao-khoa.com

CHUYÊN ĐỀ 1

PHÁT TRIỂN KINH TẾ VÀ SỰ BIẾN ĐỔI VĂN HOÁ, XÃ HỘI

Yêu cầu cần đạt:

- *Nêu được những biến đổi văn hoá, xã hội do tác động của sự phát triển kinh tế.*
- *Chỉ ra được nguyên nhân của những biến đổi văn hoá, xã hội do tác động của sự phát triển kinh tế.*
- *Thực hiện được bài tập nghiên cứu về tác động tích cực hoặc tiêu cực của phát triển kinh tế đến văn hoá, xã hội; giải pháp hạn chế, khắc phục tác động tiêu cực.*
- *Biết đánh giá một số biện pháp và chính sách đang áp dụng trong thực tế xã hội nhằm giải quyết các vấn đề liên quan đến kinh tế, văn hoá, xã hội.*

MỞ ĐẦU

Hội nhập để cùng phát triển, tiếp biến để phát triển trong hội nhập. Biến đổi văn hoá, xã hội thấm nhuần triết lí đó. Biến đổi văn hoá, xã hội ở Việt Nam hơn 20 năm qua là biến đổi cái gì? Chúng biến đổi như thế nào? Những nguyên nhân nào gây ra sự biến đổi đó? Đây là vấn đề đặt ra cần thiết cho quản lí các vấn đề biến đổi và phát triển văn hoá, xã hội.

Em hãy kể một thay đổi về nhu cầu văn hoá dưới tác động của phát triển kinh tế thị trường và hội nhập kinh tế quốc tế ở nước ta và lợi ích mang lại từ sự thay đổi đó.

KHÁM PHÁ

1. NHỮNG BIẾN ĐỔI VĂN HOÁ DO TÁC ĐỘNG CỦA PHÁT TRIỂN KINH TẾ

Trong quá trình phát triển của đất nước, phát triển kinh tế luôn gắn liền với phát triển văn hoá, không chỉ dẫn đến những biến đổi tích cực mà còn gây ra những biến đổi tiêu cực về văn hoá.

Thông tin 1

Từ khi đổi mới đến nay, hệ thống thể chế, thiết chế văn hoá từng bước được tăng cường. Nhiều giá trị văn hoá truyền thống của dân tộc được kế thừa và có bước khởi sắc. Nhiều di sản văn hoá được bảo tồn, tôn tạo; xã hội hoá các hoạt động văn hoá ngày càng mở rộng. Phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá" đã khơi dậy được nhiều giá trị nhân văn trong cộng đồng,... Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng khẳng định việc giữ gìn và phát huy giá trị văn hoá, sức mạnh con người Việt Nam trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, hội nhập quốc tế; khơi dậy mạnh mẽ tinh thần yêu nước, ý chí tự cường dân tộc, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc và khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc. Mọi hoạt động văn hoá, quan hệ văn hoá, thiết chế văn hoá đều hướng vào bổ sung, hoàn thiện hệ giá trị, chuẩn mực và bồi đắp cho con người phát triển toàn diện cả về phẩm chất, năng lực; củng cố tình yêu quê hương, đất nước, giá trị nhân văn, tính cố kết cộng đồng, ý thức, trách nhiệm, đạo đức xã hội, sống và làm việc theo pháp luật, quyết tâm vượt mọi khó khăn, thử thách, nhất là trong bối cảnh dịch bệnh diễn biến phức tạp. Những hoạt động đó hướng tới: Phát triển con người toàn diện và xây dựng nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc để văn hoá, con người Việt Nam thực sự trở thành sức mạnh nội sinh, động lực phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc.

Đảng ta cũng thẳng thắn chỉ rõ: "Văn hoá chưa được quan tâm tương xứng với kinh tế và chính trị, chưa thật sự trở thành nguồn lực, động lực nội sinh của sự phát triển bền vững đất nước. Vai trò của văn hoá trong xây dựng con người chưa được xác định đúng tầm, còn có chiều hướng coi trọng chức năng giải trí đơn thuần. Thiếu những tác phẩm văn hoá, văn học, nghệ thuật lớn phản ánh sinh động tầm vóc công cuộc đổi mới, có tác dụng tích cực đối với con người. Môi trường văn hoá, xã hội tiếp tục bị ô nhiễm bởi các tệ nạn xã hội, tham nhũng, tiêu cực", có những mặt chưa thực sự lành mạnh, trái với thuần phong mĩ tục và truyền thống văn hoá dân tộc; đẩy lùi bệnh quan liêu, bè phái, mất đoàn kết, chủ nghĩa cơ hội và thực dụng.

Trước thực trạng đạo đức, lối sống trong gia đình, học đường, xã hội có biểu hiện xuống cấp đáng lo ngại, gây bức xúc cho xã hội, cần phải coi trọng giáo dục "lí tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống văn hoá, nâng cao lòng yêu nước, tự hào dân tộc, nuôi dưỡng ước mơ, hoài bão, khát vọng vươn lên; nâng cao tinh thần trách nhiệm đối với đất nước, với xã hội,... để phát triển lành mạnh, toàn diện, hài hoà cả về trí tuệ, thể chất và giá trị thẩm mĩ".

(Theo Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, tập 1, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021)

Thông tin 2

Quá trình hội nhập kinh tế đã làm cho giao lưu văn hoá có nhiều sắc thái mới, các hoạt động thông tin tuyên truyền về văn hoá được mở rộng; các hoạt động giao lưu, trao đổi văn hoá, nghệ thuật, tổ chức các sự kiện văn hoá; tham gia các tổ chức quốc tế về văn hoá;... Sự bùng nổ của truyền thông như một phương thức nhằm lan toả giá trị văn hoá, con người, quảng bá hình ảnh, nâng cao vị thế, tiếng nói của đất nước, con người Việt Nam trên trường quốc tế. Hệ thống giá trị mới được hình thành và phát triển như lí tưởng, lối sống nhân đạo, hoà bình, hoà hợp, dân chủ, công bằng, bình đẳng, sáng tạo, yêu thiên nhiên, bảo vệ môi trường,... Nhận thức và cơ hội tiếp cận với các chính sách của Đảng và Nhà nước về văn hoá ngày càng nâng cao.

Tuy nhiên, sự bùng nổ các phương tiện truyền thông, các ngành công nghiệp giải trí tạo ra những cơ hội giao lưu văn hoá, tiếp biến những giá trị và tinh hoa văn hoá nhân loại, nhưng cũng là công cụ để các thế lực thù địch đẩy mạnh âm mưu và thủ đoạn "diễn biến hoà bình" nhằm tạo ra sự "tự diễn biến, tự chuyển hoá" trên lĩnh vực tư tưởng, văn hoá ở nước ta. Quá trình này cũng làm xuất hiện tư tưởng, lối sống hướng ngoại làm mai một một số giá trị văn hoá truyền thống, nghề truyền thống. Nhiều lễ hội truyền thống được khôi phục lại. Tuy nhiên cùng với đó là sự xuất hiện của những biểu hiện thương mại hoá, trục lợi trong các dịp lễ hội. Sau mỗi dịp lễ hội thì tình trạng xả rác bừa bãi, gây ô nhiễm môi trường vẫn còn diễn ra. Môi trường tự nhiên bị con người huỷ hoại làm ảnh hưởng không nhỏ đến cuộc sống của chính con người như lũ lụt, hạn hán, sạt lở,...

Thông tin 3

Chính phủ ban hành Chiến lược phát triển các ngành công nghiệp văn hoá Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030, trong đó khẳng định: Các ngành công nghiệp văn hoá là bộ phận cấu thành quan trọng của nền kinh tế quốc dân. Nhà nước tạo điều kiện thuận lợi nhằm thu hút tối đa nguồn lực từ các doanh nghiệp và xã hội để phát triển các ngành công nghiệp văn hoá. Thời gian qua, các ngành công nghiệp văn hoá dần trở thành những ngành kinh tế dịch vụ quan trọng; sự đầu tư nguồn vốn vào các ngành công nghiệp văn hoá đã thúc đẩy thị trường công nghiệp văn hoá có những bước tiến mới, đóng góp tích cực vào phát triển kinh tế – xã hội. Tuy nhiên, công nghiệp văn hoá nước ta vẫn chưa phát huy được hết tiềm năng, lợi thế. Việt Nam có nhiều giá trị văn hoá truyền thống là yếu tố góp phần xây dựng các thương hiệu, sản phẩm và dịch vụ du lịch văn hoá đặc sắc gắn với tìm hiểu văn hoá vùng miền. Việt Nam có tiềm năng phát triển thị trường âm nhạc, có đủ điều kiện và cơ sở vật chất để thực hiện các chương trình biểu diễn âm nhạc lớn, quy mô quốc tế,... Tuy nhiên, những tác phẩm văn hoá nghệ thuật của Việt Nam có thể chinh phục khán giả thế giới còn chưa nhiều.

EM CÓ BIẾT?

Biến đổi văn hoá trong xây dựng nông thôn mới

Các chương trình phát triển nông nghiệp – nông thôn – nông dân của Nhà nước và địa phương có ảnh hưởng lớn đến cuộc sống của người nông dân. Người nông dân chuyển từ phương thức kiếm sống dựa vào nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp sang kết hợp nhiều hoạt động mưu sinh khác, từ việc chỉ quanh quẩn kiếm sống và giao lưu, làm việc bên luỹ tre làng nay đã có sự hợp tác, liên kết với nhau theo chuỗi, hội để tạo giá trị cao hơn trong phát triển sản xuất. Biến đổi văn hoá trong quá trình xây dựng nông thôn góp phần thay đổi suy nghĩ, nếp sống, lối sống người nông dân. Với sự đa dạng hoá ngành nghề ở khu vực nông thôn, người dân ngày càng quen thuộc hơn với kiểu tư duy dịch vụ, lối sống mới gắn với sự nhanh nhạy và sự bình đẳng của thị trường. Chính vì lẽ đó, bên cạnh lối sống nghĩa tình đậm chất làng quê vẫn được duy trì, xuất hiện văn hoá ứng xử hiện đại, lối sống công nghiệp coi trọng tốc độ và hiệu quả, lối sống thị trường coi trọng sự hưởng thụ và sòng phẳng, làm nên tính chất giao thoa văn hoá giữa truyền thống và hiện đại, nông nghiệp và công nghiệp, nông thôn và đô thị. Trong các sinh hoạt văn hoá truyền thống như lễ hội, sự kiện chính trị – xã hội của làng xã hoặc sinh hoạt gia đình như tổ chức cưới, việc tang, mừng sinh nhật, mừng thọ,... được tổ chức thông qua các đơn vị, nhóm người làm dịch vụ tổ chức sự kiện, bảo đảm tính tiện lợi, chuyên nghiệp là lựa chọn trở nên phổ biến. Người nông dân ngày càng quan tâm hơn đến việc bảo tồn, phát huy giá trị văn hoá truyền thống, đầu tư nâng cấp các thiết chế văn hoá cơ sở, như cổng làng, nhà văn hoá, đình, chùa,... Nhiều vùng nông thôn được trồng cây xanh, tạo cảnh quan đẹp, vừa làm đẹp thôn làng, vừa làm đẹp cho gia đình, thậm chí người dân coi đó là niềm tự hào khi có dịp "khoe" về thôn, làng mình với người nơi khác.

1/ Những thông tin trên phản ánh những biến đổi tích cực, tiêu cực nào của văn hoá dưới tác động của sự phát triển kinh tế? Em hãy kể thêm những biến đổi tích cực, tiêu cực khác của văn hoá do phát triển kinh tế mang lại.

2/ Theo em, nguyên nhân nào dẫn đến những biến đổi tích cực, tiêu cực của văn hoá dưới tác động của phát triển kinh tế?

Phát triển kinh tế tạo ra những biến đổi của văn hoá:

Nhờ sự phát triển kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế đã tạo ra cơ hội và điều kiện cho sự giao lưu văn hoá giữa các quốc gia, dân tộc được mở rộng, mang nền văn hoá đặc sắc của dân tộc này đến với các dân tộc khác; làm phong phú thêm cho nền văn hoá của vùng, miền và cùng hướng tới mục tiêu dân tộc và hiện đại. Tuy nhiên cũng làm xuất hiện xu hướng, cách sống mới làm mai một các giá trị văn hoá truyền thống tốt đẹp của dân tộc, mất đi sự đa dạng, đặc trưng về văn hoá của vùng, miền, địa phương.

Nhờ sự phát triển kinh tế cũng như quá trình hội nhập, đời sống vật chất của người dân được nâng cao, dẫn tới những thay đổi đời sống văn hoá, tinh thần; sự thay đổi về các giá trị đạo đức, lối sống. Con người rèn luyện được

tác phong công nghiệp, lối sống trách nhiệm, chủ động, năng động, sáng tạo, có ý thức kỉ luật, tự giác, nỗ lực vươn lên. Tuy nhiên, bên cạnh đó cũng xuất hiện những lệch lạc trong lối sống.

Sự phát triển mạnh của các ngành công nghiệp văn hoá giúp con người dễ dàng tiếp cận với kiến thức, nghệ thuật, văn hoá. Nhờ đó, nhu cầu giải trí, giáo dục, sáng tạo nghệ thuật ngày càng thay đổi và nâng cao. Tuy nhiên, quá trình phát triển kinh tế cũng dẫn đến khoảng cách giàu – nghèo gia tăng khiến cơ hội hưởng thụ, tiếp cận các sản phẩm và dịch vụ văn hoá không đồng đều.

Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến những biến đổi trên của văn hoá là do quá trình tăng trưởng và phát triển kinh tế, do quá trình hội nhập quốc tế.

2. NHỮNG BIẾN ĐỔI XÃ HỘI DO TÁC ĐỘNG CỦA SỰ PHÁT TRIỂN KINH TẾ

Biến đổi xã hội là quá trình thay đổi các yếu tố cấu thành của xã hội từ trạng thái này sang trạng thái khác. Do điều kiện khác nhau nên quá trình biến đổi xã hội cũng theo tốc độ nhanh, chậm khác nhau. Tất cả những sự biến đổi đó đều có nguyên nhân từ sự phát triển kinh tế.

Thông tin 1

Trong 10 năm thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế – xã hội 2011 – 2020, chúng ta đã đạt bước phát triển mới cả về lực lượng sản xuất, quan hệ sản xuất. Kinh tế tăng trưởng nhanh, đạt tốc độ bình quân 7,26%/năm. Năm 2010, tổng sản phẩm trong nước bình quân đầu người đạt 1.168 USD. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực. Thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa tiếp tục được xây dựng và hoàn thiện. Các hoạt động văn hoá, xã hội đạt thành tựu quan trọng trên nhiều mặt, nhất là xoá đói, giảm nghèo; tinh thần đại đoàn kết, tương thân tương ái của người dân, doanh nghiệp được phát huy. Các hoạt động đền ơn đáp nghĩa, chăm lo đời sống người có công, đối tượng chính sách, bảo trợ xã hội được đẩy mạnh. Công tác an sinh xã hội, hỗ trợ người dân, người lao động được triển khai tích cực, hiệu quả. Các chính sách dân tộc, tôn giáo, tín ngưỡng, người cao tuổi, trẻ em, gia đình, bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ tiếp tục được quan tâm. Đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được cải thiện rõ rệt; dân chủ trong xã hội tiếp tục được mở rộng. Chính trị – xã hội ổn định; quốc phòng, an ninh được giữ vững. Công tác đối ngoại, hội nhập quốc tế được triển khai sâu rộng và hiệu quả, góp phần tạo môi trường hoà bình, ổn định và tăng thêm nguồn lực cho phát triển đất nước. Tuy nhiên, Chiến lược cũng chỉ ra những hạn chế như: Các lĩnh vực văn hoá, xã hội có một số mặt yếu kém chậm được khắc phục, nhất là về giáo dục, đào tạo và y tế; đạo đức, lối sống trong một bộ phận xã hội xuống cấp. Môi trường ở nhiều nơi đang bị ô nhiễm nặng; tài nguyên, đất đai chưa được quản lí tốt, khai thác và sử dụng kém hiệu quả.

Thông tin 2

Quá trình tăng trưởng kinh tế của Việt Nam đã làm cho GDP bình quân đầu người theo giá hiện hành năm 2022 đạt 4.124 USD/người, tăng 404 USD so với năm 2021. Chỉ số phát triển con người đạt 0,737, cao hơn năm 2021 (0,726), năm 2018 (0,693). Tuổi thọ trung bình tăng, năm 2022 là 73,6 tuổi. Tỉ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên biết chữ năm 2022 là 96,1%. Tỉ lệ lao động từ 15 tuổi trở lên đã qua đào tạo năm 2022 là 26,4% so với năm 2018 là 22,0%, theo trình độ chuyên môn kĩ thuật bậc đại học trở lên năm 2022 là 11,9% so với năm 2018 là 9,5%. Thu nhập bình quân đầu người một tháng từ 3.874.000 đồng (2018) lên 4.673.000 đồng (2022). Hệ số bất bình đẳng trong phân phối thu nhập (Gini) giảm từ 0,425 (2018) xuống 0,375 (2022).

(Theo Tổng cục Thống kê, *Niên giám thống kê 2022,* NXB Thống kê)

Thông tin 3

Việt Nam là một trong những quốc gia hoàn thành sớm nhất Mục tiêu thiên niên kỉ về bình đẳng giới và nâng cao vị thế cho phụ nữ và hiện đang nỗ lực thực hiện Chương trình nghị sự về Phát triển bền vững 2030, trong đó có các mục tiêu về thúc đẩy bình đẳng giới và trao quyền cho phụ nữ và trẻ em gái. Thời gian qua, Việt Nam liên tục bổ sung, hoàn thiện khung khổ pháp lí làm cơ sở giải quyết các vấn đề về bình đẳng giới như: Quốc hội đã ban hành Hiến pháp năm 2013, 7 bộ luật, 161 luật; Uỷ ban Thường vụ Quốc hội ban hành 15 pháp lệnh, trong đó có khoảng 45 bộ luật, luật có liên quan đến vấn đề bình đẳng giới; Chính phủ ban hành 1.413 nghị định; xem xét lồng ghép vấn đề bình đẳng giới theo quy định của Luật Bình đẳng giới và Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Ngày 3 – 3 – 2021, Chính phủ đã phê duyệt Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2021 – 2030 ban hành cùng Nghị quyết số 28/NQ-CP. Việt Nam đứng thứ 60 trên thế giới, đứng thứ 4 ở châu Á và đứng đầu trong Hội đồng Liên minh nghị viện Hiệp hội các nước Đông Nam Á về tỉ lệ nữ tham gia cơ quan dân cử; đứng thứ 3 trong khu vực ASEAN và thứ 47/187 quốc gia trên thế giới tham gia xếp hạng về bình đẳng giới trong tham chính và trong công tác quản lí. Trong Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XIII có 19 đồng chí nữ (9,5%), Quốc hội khoá XV đạt tỉ lệ 30,26% nữ đại biểu, cao nhất từ trước đến nay; Ban Chấp hành Đảng bộ cấp tỉnh có 16% đồng chí nữ, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh có 29% đại biểu nữ,... Tỉ lệ các bộ, cơ quan ngang bộ có lãnh đạo chủ chốt là nữ đạt trên 50%. Việt Nam nằm trong nhóm 1/3 các nước đứng đầu về tỉ lệ nữ đại biểu Quốc hội và tỉ lệ phụ nữ tham gia lao động với tỉ lệ nữ đại biểu Quốc hội đạt trên 30%. Ngoài ra, thành tựu về bình đẳng giới còn được thể hiện ở khía cạnh giảm khoảng cách giới trong lĩnh vực kinh tế, lao động, việc làm; nâng cao quyền năng kinh tế cho phụ nữ, tăng cường sự tiếp cận của phụ nữ nghèo ở nông thôn, phụ nữ

người dân tộc thiểu số đối với các nguồn lực kinh tế, thị trường lao động; chú trọng phát triển nguồn nhân lực nữ chất lượng cao. Tuy nhiên, phụ nữ và trẻ em gái vẫn là những đối tượng yếu thế, dễ bị tổn thương trước các nguy cơ cũng như cần có thêm nhiều hơn nữa các cơ hội bình đẳng, vẫn còn tồn tại vấn nạn ngược đãi phụ nữ, nhất là ở những vùng dân trí chưa cao, định kiến về giới vẫn còn tồn tại.

1/ Những thông tin trên phản ánh những biến đổi tích cực, tiêu cực nào của xã hội dưới tác động của sự phát triển kinh tế? Em hãy kể thêm những biến đổi tích cực, tiêu cực khác của xã hội do phát triển kinh tế mang lại.

2/ Theo em, nguyên nhân nào dẫn đến những biến đổi tích cực, tiêu cực của xã hội dưới tác động của phát triển kinh tế?

Kinh tế thị trường phát triển cùng với quá trình hội nhập ngày càng sâu rộng vào nền kinh tế thế giới đã tạo ra nhiều biến đổi tích cực về xã hội:

Phát triển kinh tế tạo ra cơ hội về việc làm, gia tăng thu nhập cho người dân giúp cải thiện mức sống, giảm bớt đói nghèo, bất bình đẳng xã hội.

Phát triển kinh tế luôn gắn liền với đảm bảo tiến bộ xã hội, cung cấp những điều kiện vật chất để xây dựng cơ sở hạ tầng (giao thông, viễn thông, các dịch vụ y tế, giáo dục,...) góp phần tăng khả năng tiếp cận các thông tin, giảm khoảng cách giữa các khu vực, nâng cao chất lượng cuộc sống.

Tuy nhiên, tăng trưởng và phát triển kinh tế cũng gây ra phân hoá giàu – nghèo; cơ hội tiếp cận về y tế, văn hoá, giáo dục không đều giữa các vùng miền; gây ô nhiễm môi trường, khai thác cạn kiệt các nguồn tài nguyên thiên nhiên, vẫn còn tồn tại bất bình đẳng giới và định kiến giới tạo nên những căng thẳng trong xã hội.

Nguyên nhân chủ yếu của những biến đổi xã hội là do quá trình tăng trưởng và phát triển kinh tế, do tác động của cơ chế thị trường và do quá trình hội nhập quốc tế của Việt Nam.

3. MỘT SỐ GIẢI PHÁP HẠN CHẾ, KHẮC PHỤC TÁC ĐỘNG TIÊU CỰC CỦA SỰ PHÁT TRIỂN KINH TẾ ĐẾN NHỮNG BIẾN ĐỔI VĂN HOÁ, XÃ HỘI

Thông tin 1

Để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18 – 1 – 2022. Mục tiêu là thực hiện mục tiêu giảm nghèo đa chiều, bao trùm, bền vững, hạn chế tái nghèo và phát sinh nghèo; hỗ trợ người nghèo, hộ nghèo vượt lên mức sống tối thiểu, tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia, nâng cao chất lượng cuộc sống; hỗ trợ các huyện nghèo, xã đặc biệt

khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn. Để thực hiện được mục tiêu đó cần: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế – xã hội các huyện nghèo, các xã đặc biệt khó khăn, vùng ven biển và hải đảo; Đa dạng hoá sinh kế và phát triển mô hình giảm nghèo; Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng; Phát triển giáo dục nghề, việc làm bền vững; Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo,...

Thông tin 2

Để thực hiện Chiến lược phát triển văn hoá đến năm 2030, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1909/QĐ-TTg ngày 12 – 11 – 2021. Mục tiêu là xây dựng và phát triển văn hoá, con người Việt Nam toàn diện, phù hợp với xu thế thời đại; xây dựng môi trường văn hoá lành mạnh; không ngừng nâng cao đời sống tinh thần của nhân dân, từng bước thu hẹp khoảng cách về hưởng thụ văn hoá giữa thành thị và nông thôn, giữa các vùng miền, các đối tượng chính sách và yếu thế; chú trọng phát triển văn hoá vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Để thực hiện mục tiêu này cần: Nâng cao nhận thức, đẩy mạnh tuyên truyền về phát triển văn hoá; Hoàn thiện thể chế, chính sách, khung khổ pháp lí; Xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện; Xây dựng môi trường văn hoá lành mạnh tạo động lực phát triển kinh tế, xã hội và hội nhập quốc tế; Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động văn hoá; Bảo vệ và phát huy di sản văn hoá dân tộc; Chủ động hội nhập, tăng cường hợp tác, giao lưu quốc tế về văn hoá,...

Thông tin 3

Mục tiêu của Chiến lược phát triển kinh tế – xã hội 10 năm 2021 – 2030 là: Khơi dậy khát vọng phát triển đất nước, phát huy mạnh mẽ giá trị văn hoá, con người Việt Nam và sức mạnh thời đại, huy động mọi nguồn lực, phát triển nhanh và bền vững trên cơ sở khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, phấn đấu đến năm 2030 là nước đang phát triển có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao và đến năm 2045 trở thành nước phát triển, thu nhập cao. Chiến lược cũng đề ra các chỉ tiêu về xã hội như: Chỉ số phát triển con người (HDI) duy trì trên 0,74; Tuổi thọ bình quân đạt 75 tuổi, trong đó thời gian sống khoẻ mạnh đạt tối thiểu 68 năm; Tỉ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt 35 – 40%; Tỉ trọng lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội giảm xuống dưới 20%; Phát huy giá trị văn hoá, sức mạnh con người Việt Nam; khơi dậy mạnh mẽ khát vọng phát triển của dân tộc, tinh thần yêu nước, tự hào, ý chí tự cường và lòng nhân ái, tinh thần đoàn kết, đồng thuận xã hội; xây dựng môi trường và đời sống văn hoá phong phú, đa dạng, văn minh, lành mạnh, hội nhập quốc tế, đề cao ý thức, trách nhiệm, đạo đức xã hội, sống và làm việc theo pháp luật.

sách-giáo-khoa.com

1/ Các thông tin trên đã đề cập đến những giải pháp nào để phát huy tác động tích cực, hạn chế những tác động tiêu cực của phát triển kinh tế đối với những biến đổi văn hoá, xã hội?

2/ Hãy đánh giá tác động của những biện pháp, chính sách đó đối với việc giải quyết các vấn đề có liên quan đến kinh tế, văn hoá, xã hội trong thực tế.

3/ Em hãy sưu tầm bài báo, hình ảnh, số liệu, video,… về tác động tích cực/ tiêu cực của phát triển kinh tế đến văn hoá, xã hội ở địa phương mình. Từ đó đề xuất giải pháp để hạn chế, khắc phục tác động tiêu cực.

4/ Em hãy chia sẻ với các bạn trong nhóm về một số biện pháp và chính sách đang áp dụng trong thực tế nhằm giải quyết các vấn đề có liên quan đến kinh tế, văn hoá, xã hội.

Để hạn chế và khắc phục các tác động tiêu cực của phát triển kinh tế đối với biến đổi văn hoá, xã hội cần thực hiện một số biện pháp và chính sách sau:

Đẩy mạnh thực hiện phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá"; các hoạt động văn hoá, nghệ thuật, thể dục – thể thao và du lịch.

Đấu tranh loại trừ các sản phẩm văn hoá độc hại, có nội dung trái thuần phong mĩ tục của dân tộc; phản bác các quan điểm sai trái, phản nhân văn trong lĩnh vực văn hoá, văn học, nghệ thuật.

Tiếp tục thực hiện Chiến lược quốc gia về bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khoẻ nhân dân giai đoạn 2011 – 2020 và tầm nhìn đến năm 2030.

Khuyến khích mọi người dân làm giàu theo pháp luật, thực hiện có hiệu quả mục tiêu xoá đói, giảm nghèo.

Chủ trương đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục – đào tạo.

Bảo đảm cung ứng dịch vụ công thiết yếu, bình đẳng cho mọi người, tạo việc làm và thu nhập, chăm sóc sức khoẻ cộng đồng.

Thực hiện tốt và có hiệu quả hơn nữa các chính sách xã hội như xoá đói giảm nghèo, lao động, việc làm, phát triển hệ thống y tế.

4. THỰC HÀNH

Bài tập thực hành: Nghiên cứu về tác động tích cực hoặc tiêu cực của phát triển kinh tế đến văn hoá, xã hội ở địa phương mình sinh sống; giải pháp hạn chế, khắc phục tác động tiêu cực.

Gợi ý:

a) Chuẩn bị báo cáo:

Trao đổi, thảo luận chọn vấn đề nghiên cứu (chọn một trong các vấn đề: tác động tích cực của phát triển kinh tế đến văn hoá, xã hội; tác động tiêu cực của phát triển kinh tế đến văn hoá, xã hội; giải pháp hạn chế, khắc phục tác động tiêu cực).

Sưu tầm thông tin, tư liệu, hình ảnh,... về vấn đề nghiên cứu (tác động tích cực của phát triển kinh tế đến văn hoá, xã hội; tác động tiêu cực của phát triển kinh tế đến văn hoá, xã hội; giải pháp hạn chế, khắc phục tác động tiêu cực).

Lập đề cương báo cáo.

b) *Yêu cầu về nội dung của báo cáo:*

Báo cáo ngắn gọn về vấn đề nghiên cứu.

Gợi ý cách trình bày nội dung báo cáo:

Giới thiệu kết quả về ảnh hưởng của sự phát triển kinh tế đến biến đổi về văn hoá, xã hội.

Những biến đổi tích cực/tiêu cực của phát triển kinh tế đến văn hoá, xã hội.

Chủ trương, chính sách.

Giải pháp.

Kết quả.

c) *Thu thập tài liệu (gợi ý: giới thiệu các website để học sinh vào thu thập tài liệu: ghi rõ đường link của các website mà học sinh có thể vào lấy tài liệu viết báo cáo).*

sach-giao-khoa.com

CHUYÊN ĐỀ 2

MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ LUẬT DOANH NGHIỆP

Yêu cầu cần đạt:

- *Nêu được khái niệm Luật Doanh nghiệp và nội dung cơ bản của Luật Doanh nghiệp.*
- *Nhận biết được hậu quả của hành vi vi phạm các quy định của Luật Doanh nghiệp.*
- *Phân tích, đánh giá, tham gia tranh luận được một số vấn đề đơn giản thường gặp trong đời sống liên quan đến Luật Doanh nghiệp.*
- *Tích cực, chủ động vận động người khác thực hiện đúng Luật Doanh nghiệp; phê phán các hành vi vi phạm Luật Doanh nghiệp.*

MỞ ĐẦU

Tự do kinh doanh là một trong những quyền con người được ghi nhận trong Hiến pháp năm 2013 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) với nội dung: "Mọi người có quyền tự do kinh doanh trong những ngành nghề mà pháp luật không cấm" (Điều 33). Căn cứ vào Hiến pháp, Nhà nước đã ban hành Luật Doanh nghiệp để tạo cơ sở pháp lí cho việc thành lập, tổ chức quản lí, tổ chức lại, giải thể,... doanh nghiệp, tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân thực hiện được quyền tự do kinh doanh của mình và đầu tư kinh doanh một cách hợp pháp.

Em hãy chia sẻ hiểu biết của mình về quy định pháp luật liên quan đến việc thành lập doanh nghiệp hoặc các mô hình doanh nghiệp.

KHÁM PHÁ

1. KHÁI NIỆM LUẬT DOANH NGHIỆP

Điều chỉnh các quan hệ kinh doanh ở nước ta có nhiều luật như Luật Doanh nghiệp, Luật Thương mại, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, Luật Đầu tư,... Khác với những luật khác trong lĩnh vực này, Luật Doanh nghiệp hướng dẫn cho các

chủ thể cách thức, trình tự, thủ tục thành lập doanh nghiệp hoặc tham gia góp vốn, mua cổ phần hoặc mua phần vốn góp vào một doanh nghiệp nào đó; quy định về các loại hình doanh nghiệp để các nhà đầu tư có thể lựa chọn cho phù hợp với khả năng và mục đích kinh doanh của mình; quy định cụ thể quyền, nghĩa vụ của doanh nghiệp và các hành vi bị nghiêm cấm nhằm giúp doanh nghiệp có thể xác định những hành vi được phép thực hiện, những hành vi bắt buộc phải thực hiện và những hành vi không được thực hiện trong quá trình kinh doanh, từ đó các doanh nghiệp có thể cân nhắc, lựa chọn và thực hiện hành vi kinh doanh của mình một cách hợp pháp; quy định về mô hình tổ chức quản lí của từng loại hình doanh nghiệp, về việc tổ chức lại và giải thể doanh nghiệp.

Dựa vào thông tin trên, em hãy xác định mục tiêu và phạm vi điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp.

Luật Doanh nghiệp là tổng thể các quy phạm pháp luật quy định về quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp, các loại hình doanh nghiệp, việc thành lập, tổ chức quản lí, tổ chức lại, giải thể và hoạt động có liên quan của doanh nghiệp.

2. MỘT SỐ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA LUẬT DOANH NGHIỆP

a) *Quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp*

Quyền của doanh nghiệp được quy định tại Điều 7 của Luật Doanh nghiệp năm 2020 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), theo đó, doanh nghiệp có các quyền sau:

Quyền tự do kinh doanh ngành, nghề mà luật không cấm, tức là doanh nghiệp có thể kinh doanh bất cứ ngành, nghề nào trừ những ngành, nghề bị cấm đầu tư kinh doanh. Ví dụ: kinh doanh các chất ma tuý, kinh doanh pháo nổ, kinh doanh mại dâm,... là không được phép. Doanh nghiệp có quyền tự chủ kinh doanh, lựa chọn hình thức tổ chức kinh doanh và chủ động lựa chọn ngành, nghề, địa bàn và hình thức kinh doanh. Doanh nghiệp có thể chủ động điều chỉnh quy mô và ngành, nghề kinh doanh theo khả năng và mục đích của mình mà không bị ai can thiệp; có quyền chủ động ứng dụng khoa học và công nghệ để nâng cao hiệu quả kinh doanh và khả năng cạnh tranh. Đối với nguồn vốn phục vụ kinh doanh thì doanh nghiệp có quyền lựa chọn hình thức, phương thức huy động, phân bổ và sử dụng vốn, ví dụ: có thể vay ngân hàng, có thể bán cổ phần,... Doanh nghiệp có quyền tự do tìm kiếm thị trường, khách hàng và kí kết hợp đồng ở trong nước hoặc nước ngoài; có quyền tuyển dụng, thuê và sử dụng lao động theo quy định của pháp luật về lao động; có toàn quyền chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản của doanh nghiệp và được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ,...

Nghĩa vụ của doanh nghiệp được quy định tại Điều 8 Luật Doanh nghiệp năm 2020 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), theo đó, doanh nghiệp có các nghĩa vụ cơ bản sau:

Phải đáp ứng đủ điều kiện đầu tư kinh doanh khi kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện; ngành, nghề tiếp cận thị trường có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài,... Ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện là ngành, nghề mà việc thực hiện hoạt động đầu tư kinh doanh trong ngành, nghề đó phải đáp ứng điều kiện cần thiết vì lí do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khoẻ của cộng đồng. Ví dụ, việc đầu tư kinh doanh quân trang, quân dụng, vũ khí quân dụng,... phải đáp ứng đầy đủ những điều kiện do pháp luật quy định. Doanh nghiệp phải thực hiện đầy đủ, kịp thời nghĩa vụ về đăng kí doanh nghiệp, đăng kí thay đổi nội dung đăng kí doanh nghiệp; phải công khai thông tin về thành lập và hoạt động của doanh nghiệp; phải tổ chức công tác kế toán, nộp thuế và thực hiện các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; phải bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động theo quy định của pháp luật; không phân biệt đối xử, xúc phạm danh dự, nhân phẩm của người lao động trong doanh nghiệp; không được ngược đãi, cưỡng bức lao động hoặc sử dụng lao động chưa thành niên trái pháp luật; hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi cho người lao động tham gia đào tạo nâng cao trình độ, kĩ năng nghề; thực hiện các chính sách, chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế và bảo hiểm khác cho người lao động theo quy định của pháp luật.

Các hành vi bị cấm đối với các chủ thể bao gồm: hoạt động kinh doanh dưới hình thức doanh nghiệp mà không đăng kí hoặc tiếp tục kinh doanh khi đã bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng kí doanh nghiệp hoặc doanh nghiệp đang bị tạm dừng hoạt động kinh doanh; kê khai giả mạo, kê khai không trung thực, kê khai không chính xác nội dung hồ sơ đăng kí doanh nghiệp và nội dung hồ sơ đăng kí thay đổi nội dung đăng kí doanh nghiệp; kê khai khống vốn điều lệ thông qua hành vi không góp đủ số vốn điều lệ như đã đăng kí mà không thực hiện đăng kí điều chỉnh vốn điều lệ theo quy định của pháp luật; cố ý định giá tài sản góp vốn không đúng giá trị; kinh doanh các ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh; kinh doanh ngành, nghề chưa được tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài; kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện khi chưa đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật hoặc không bảo đảm duy trì đủ điều kiện đầu tư kinh doanh trong quá trình hoạt động; lừa đảo, rửa tiền, tài trợ khủng bố (Điều 16 Luật Doanh nghiệp năm 2020, sửa đổi, bổ sung năm 2025). Riêng các doanh nghiệp cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích thì còn có thêm một số quyền và nghĩa vụ khác do Luật định.

Trong quá trình hoạt động, các doanh nghiệp đều được hưởng các quyền và đều phải thực hiện nghiêm chỉnh các nghĩa vụ của mình, đều không được thực hiện những hành vi bị cấm. Doanh nghiệp nào không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ các nghĩa vụ của mình hoặc thực hiện những hành vi bị cấm thì bị coi là vi phạm pháp luật và sẽ bị xử lí theo quy định của pháp luật.

Trường hợp

B là một doanh nghiệp khai thác khoáng sản ở tỉnh C. Trong quá trình khai thác loại khoáng sản được phép, doanh nghiệp này đã khai thác và sử dụng một loại khoáng sản khác đi kèm với loại khoáng sản được phép khai thác mà không xin phép và báo cáo với cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Hành vi khai thác và sử dụng loại khoáng sản đi kèm với loại khoáng sản được phép khai thác của Doanh nghiệp B trong trường hợp trên có phải là vi phạm pháp luật không? Vì sao?

Quyền của doanh nghiệp: Doanh nghiệp có quyền tự do kinh doanh những ngành, nghề mà pháp luật không cấm; có quyền tự chủ kinh doanh, chủ động lựa chọn ngành, nghề, địa bàn, hình thức kinh doanh; chủ động quyết định quy mô và ngành nghề kinh doanh; có quyền tự do tìm kiếm thị trường, khách hàng và kí kết hợp đồng; tự mình quyết định việc tuyển dụng, thuê và sử dụng lao động theo quy định của pháp luật,...

Nghĩa vụ của doanh nghiệp: Doanh nghiệp phải thực hiện đầy đủ nghĩa vụ do pháp luật quy định; phải thực hiện đầy đủ, kịp thời nghĩa vụ về đăng kí doanh nghiệp, đăng kí thay đổi nội dung đăng kí doanh nghiệp; phải bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động theo quy định của pháp luật... và không thực hiện những hành vi bị pháp luật cấm.

sách-giáo-khoa.com

b) Các loại hình doanh nghiệp

Theo quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2020 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), các loại hình doanh nghiệp ở nước ta hiện nay gồm: công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty hợp danh và doanh nghiệp tư nhân. Các loại hình công ty trách nhiệm hữu hạn và công ty cổ phần thì vừa có doanh nghiệp không phải của Nhà nước vừa có doanh nghiệp nhà nước.

Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên

Là doanh nghiệp có từ 2 đến 50 thành viên là tổ chức, cá nhân. Thành viên chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của doanh nghiệp trong phạm vi số vốn đã góp vào doanh nghiệp (Điều 46). Vốn điều lệ của công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên khi đăng kí thành lập doanh nghiệp là tổng giá trị phần vốn góp của các thành viên cam kết góp và ghi trong Điều lệ công ty. Thành viên phải góp vốn cho công ty đủ và đúng loại tài sản đã cam kết khi đăng kí thành lập doanh nghiệp trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày được cấp

Giấy chứng nhận đăng kí doanh nghiệp,... Trong thời hạn này, thành viên có các quyền và nghĩa vụ tương ứng với tỉ lệ phần vốn góp đã cam kết (Điều 47). Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ là doanh nghiệp nhà nước.

Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên

Là doanh nghiệp do một tổ chức hoặc một cá nhân làm chủ sở hữu (sau đây gọi là chủ sở hữu công ty). Chủ sở hữu công ty chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi số vốn điều lệ của công ty (Điều 74). Vốn điều lệ của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên khi đăng kí thành lập doanh nghiệp là tổng giá trị tài sản do chủ sở hữu công ty cam kết góp và ghi trong Điều lệ công ty. Chủ sở hữu công ty phải góp vốn cho công ty đủ và đúng loại tài sản đã cam kết khi đăng kí thành lập doanh nghiệp trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng kí doanh nghiệp,... Trong thời hạn này, chủ sở hữu công ty có các quyền và nghĩa vụ tương ứng với phần vốn góp đã cam kết. Chủ sở hữu công ty chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình đối với các nghĩa vụ tài chính của công ty, thiệt hại xảy ra do không góp, không góp đủ, không góp đúng hạn vốn điều lệ theo quy định tại Điều này (Điều 75). Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ là doanh nghiệp nhà nước.

Công ty cổ phần

Là doanh nghiệp, trong đó: Vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau gọi là cổ phần; Cổ đông có thể là tổ chức, cá nhân; số lượng cổ đông tối thiểu là 3 và không hạn chế số lượng tối đa; Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của doanh nghiệp trong phạm vi số vốn đã góp vào doanh nghiệp; Cổ đông có quyền tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120 và khoản 1 Điều 127 của Luật này. Vốn điều lệ của công ty cổ phần là tổng mệnh giá cổ phần các loại đã bán. Vốn điều lệ của công ty cổ phần khi đăng kí thành lập doanh nghiệp là tổng mệnh giá cổ phần các loại đã được đăng kí mua và được ghi trong Điều lệ công ty. Công ty cổ phần là doanh nghiệp nhà nước khi Nhà nước nắm giữ trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

Công ty hợp danh

Là doanh nghiệp, trong đó, phải có ít nhất 2 thành viên là chủ sở hữu chung của công ty, cùng nhau kinh doanh dưới một tên chung (sau đây gọi là thành viên hợp danh). Ngoài các thành viên hợp danh, công ty có thể có thêm thành viên góp vốn; Thành viên hợp danh phải là cá nhân, chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình về các nghĩa vụ của công ty; Thành viên góp vốn là tổ chức, cá nhân và chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ của công ty trong phạm vi số vốn đã cam kết góp vào công ty (Điều 177). Thành viên hợp danh và thành viên góp vốn phải góp đủ và đúng hạn số vốn đã cam kết. Thành viên hợp danh không góp đủ và đúng hạn số vốn đã cam kết gây thiệt hại cho công ty phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho công ty (Điều 178).

Doanh nghiệp tư nhân

Là doanh nghiệp do một cá nhân làm chủ và tự chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình về mọi hoạt động của doanh nghiệp. Mỗi cá nhân chỉ được quyền thành lập một doanh nghiệp tư nhân. Chủ doanh nghiệp tư nhân không được đồng thời là chủ hộ kinh doanh, thành viên hợp danh của công ty hợp danh. Doanh nghiệp tư nhân không được quyền góp vốn thành lập hoặc mua cổ phần, phần vốn góp trong công ty hợp danh, công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc công ty cổ phần (Điều 188). Vốn đầu tư của chủ doanh nghiệp tư nhân do chủ doanh nghiệp tự đăng kí.

sách-giáo-khoa.com

Trường hợp

Tổ chức A cùng với ông B, bà C, bà D và ông E cùng góp vốn thành lập Công ty S với tỉ lệ vốn góp như sau: tổ chức A góp 40%, ông B góp 20%, bà C góp 20%, bà D góp 10% và ông E góp 10% vốn điều lệ của công ty. Cả năm thành viên này đều đã góp vốn cho công ty theo đúng thời hạn luật định và có các quyền, nghĩa vụ tương ứng với tỉ lệ phần vốn góp đã cam kết.

1/ Em hãy cho biết, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên khác nhau ở những điểm cơ bản nào. Vì sao?

2/ Công ty S được nêu trong trường hợp trên thuộc loại hình doanh nghiệp nào? Vì sao?

Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên là doanh nghiệp có từ 2 đến 50 thành viên là tổ chức, cá nhân. Thành viên có các quyền, nghĩa vụ tương ứng với tỉ lệ phần vốn góp, phải chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của doanh nghiệp trong phạm vi số vốn đã góp vào doanh nghiệp. Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên là doanh nghiệp nhà nước khi Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ.

Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên là doanh nghiệp do một tổ chức hoặc một cá nhân làm chủ sở hữu. Chủ sở hữu công ty chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi số vốn điều lệ của công ty. Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên là doanh nghiệp nhà nước khi Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

Công ty cổ phần là doanh nghiệp trong đó vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau gọi là cổ phần, người sở hữu cổ phần gọi là cổ đông; cổ đông có thể là tổ chức, cá nhân; số lượng cổ đông tối thiểu là 3 và không hạn chế số lượng tối đa. Công ty cổ phần là doanh nghiệp nhà nước khi Nhà nước nắm giữ trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

Công ty hợp danh là doanh nghiệp trong đó phải có ít nhất 2 thành viên là chủ sở hữu chung của công ty, cùng nhau kinh doanh dưới một tên chung (gọi là thành viên hợp danh), ngoài ra có thể có thêm thành viên góp vốn; thành viên hợp danh phải là cá nhân, thành viên góp vốn có thể là cá nhân hoặc tổ chức.

Doanh nghiệp tư nhân là doanh nghiệp do một cá nhân làm chủ và tự chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình về mọi hoạt động của doanh nghiệp.

sách-giáo-khoa.com

c) *Thành lập, tổ chức và quản lí doanh nghiệp*

Thành lập doanh nghiệp là hoạt động do nhà đầu tư tiến hành trên cơ sở quy định của pháp luật về hình thức pháp lí của doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh, cách thức góp vốn, tổ chức quản lí doanh nghiệp, quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp, người đầu tư thành lập doanh nghiệp,...

Điều kiện để thành lập doanh nghiệp gồm các điều kiện về vốn, ngành nghề kinh doanh, chủ thể, hồ sơ và lệ phí.

Điều kiện về vốn

Là điều kiện vật chất cần thiết để doanh nghiệp ra đời và hoạt động như nhà xưởng, kho bãi, văn phòng, máy móc thiết bị,... được thể hiện qua vốn đầu tư thành lập doanh nghiệp được gọi là vốn điều lệ do các nhà đầu tư góp vốn ở dạng tiền mặt, hiện vật hoặc tài sản khác. Quy mô vốn điều lệ là do nhà đầu tư

tự quyết định, pháp luật không quy định. Tuy nhiên, trong một số ngành, nghề nhất định như chứng khoán, bảo hiểm, ngân hàng,... để bảo đảm điều kiện vật chất cho hoạt động kinh doanh diễn ra an toàn, pháp luật mới quy định về mức vốn điều lệ tối thiểu cần đáp ứng để thành lập doanh nghiệp được gọi là mức vốn pháp định, theo đó, vốn điều lệ của doanh nghiệp phải bảo đảm từ mức vốn pháp định trở lên. Nhà đầu tư phải bảo đảm mức vốn này từ khi thành lập và phải duy trì trong suốt quá trình hoạt động của doanh nghiệp.

Điều kiện về chủ thể

Chủ thể đầu tư vốn để thành lập doanh nghiệp phải là tổ chức, cá nhân được pháp luật công nhận là có quyền thành lập doanh nghiệp, không thuộc đối tượng bị cấm thành lập doanh nghiệp được quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp năm 2020 (sửa đổi, bổ sung năm 2025). Chủ thể có quyền thành lập doanh nghiệp là cá nhân thì phải là người có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, nếu là tổ chức thì phải có tư cách pháp nhân.

Điều kiện về ngành, nghề kinh doanh

Doanh nghiệp chỉ được cấp Giấy chứng nhận đăng kí doanh nghiệp khi ngành, nghề kinh doanh không thuộc danh mục ngành, nghề bị cấm kinh doanh. Điều kiện về tên doanh nghiệp: Tên doanh nghiệp phải thể hiện rõ loại hình doanh nghiệp, ví dụ, công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn,... Bộ phận tên riêng của doanh nghiệp không được trùng hoặc gây nhầm lẫn với tên doanh nghiệp đã đăng kí hoặc lạm dụng tên của cơ quan, tổ chức khác.

Điều kiện về hồ sơ và lệ phí

Để được cấp Giấy chứng nhận đăng kí doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân thành lập doanh nghiệp phải nộp hồ sơ đăng kí doanh nghiệp hợp lệ cho Cơ quan đăng kí kinh doanh và nộp đủ lệ phí thành lập doanh nghiệp.

Trình tự, thủ tục đăng kí doanh nghiệp: Đăng kí doanh nghiệp là việc người thành lập doanh nghiệp đăng kí thông tin về doanh nghiệp dự kiến thành lập và việc doanh nghiệp đăng kí những thay đổi hoặc dự kiến thay đổi trong thông tin về đăng kí doanh nghiệp với Cơ quan đăng kí kinh doanh.

Đăng kí thành lập doanh nghiệp là thủ tục hành chính bắt buộc đối với mọi doanh nghiệp được thực hiện tại Cơ quan đăng kí kinh doanh.

Các bước cơ bản để đăng kí thành lập doanh nghiệp gồm:

Bước 1: Nhà đầu tư hoặc đại diện của nhà đầu tư chuẩn bị bộ hồ sơ hợp lệ (gồm một số loại giấy tờ bắt buộc phải có tuỳ theo từng loại hình doanh nghiệp) và nộp cho cơ quan đăng kí kinh doanh theo phương thức trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc qua mạng thông tin điện tử (Điều 26).

Bước 2: Cơ quan đăng kí kinh doanh kiểm tra tính hợp lệ và đối chiếu với các điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng kí doanh nghiệp, sau đó quyết định cấp hoặc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng kí doanh nghiệp.

Bước 3: Sau khi được cấp Giấy chứng nhận đăng kí doanh nghiệp phải thông báo công khai thông tin về doanh nghiệp trên Cổng thông tin quốc gia về đăng kí doanh nghiệp.

Trường hợp

Tổ chức X cùng với ông M và bà N đã thoả thuận kết hợp với nhau theo tư cách là những cổ đông sáng lập để thành lập Công ty Cổ phần K nhằm kinh doanh trong lĩnh vực chế biến thực phẩm. Sau một thời gian kinh doanh, với mong muốn có thể bảo đảm sự chủ động trong việc cung cấp nguyên liệu chế biến nên công ty này đã bổ sung thêm ngành nuôi trồng thuỷ sản.

1/ Theo em, muốn được cấp Giấy chứng nhận đăng kí doanh nghiệp, Công ty Cổ phần K phải đáp ứng những điều kiện gì? Vì sao?

2/ Hãy giới thiệu trình tự, thủ tục đăng kí doanh nghiệp của Công ty Cổ phần K.

3/ Khi bổ sung thêm ngành nuôi trồng thuỷ sản, Công ty Cổ phần K cần phải tiến hành thủ tục gì? Nêu cụ thể các thủ tục đó.

Điều kiện để thành lập doanh nghiệp gồm các điều kiện về vốn, về chủ thể, về ngành nghề kinh doanh, về hồ sơ và lệ phí.

Trình tự, thủ tục đăng kí doanh nghiệp gồm các bước cơ bản sau: Nhà đầu tư chuẩn bị bộ hồ sơ hợp lệ và nộp cho Cơ quan đăng kí kinh doanh; Cơ quan đăng kí kinh doanh kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ và quyết định cấp hoặc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng kí doanh nghiệp; thông báo công khai thông tin về doanh nghiệp trên Cổng thông tin quốc gia về đăng kí doanh nghiệp sau khi được cấp Giấy chứng nhận đăng kí doanh nghiệp.

Doanh nghiệp có thể thay đổi nội dung đăng kí doanh nghiệp song phải đăng kí và thông báo về sự thay đổi đó theo quy định của pháp luật.

Tổ chức và quản lí doanh nghiệp: Mỗi doanh nghiệp đều có một bộ máy tổ chức quản lí để quản lí và điều hành các hoạt động của doanh nghiệp.

Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên

Do Hội đồng thành viên, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc quản lí và điều hành. Hội đồng thành viên là cơ quan quyết định cao nhất của công ty, bao gồm tất cả thành viên công ty là cá nhân và người đại diện theo uỷ quyền của thành viên công ty là tổ chức. Hội đồng thành viên có các quyền và nghĩa vụ như: Quyết định chiến lược phát triển và kế hoạch

kinh doanh hằng năm của công ty; quyết định tăng hoặc giảm vốn điều lệ, quyết định thời điểm và phương thức huy động thêm vốn; quyết định tổ chức lại công ty, giải thể hoặc yêu cầu phá sản công ty; bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng thành viên; quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, kí và chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Kiểm soát viên và người quản lí khác quy định tại Điều lệ công ty... Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc là người điều hành hoạt động kinh doanh hằng ngày của công ty, chịu trách nhiệm trước Hội đồng thành viên về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình. Trong cơ cấu tổ chức quản lí của công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên là doanh nghiệp nhà nước thì ngoài những bộ phận trên bắt buộc phải có thêm Ban Kiểm soát.

Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên

Quyền quyết định cao nhất thuộc về chủ sở hữu công ty. Chủ sở hữu công ty có các quyền và nghĩa vụ cơ bản như: Quyết định nội dung Điều lệ công ty, sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty; quyết định tăng vốn điều lệ của công ty; chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ vốn điều lệ của công ty cho tổ chức, cá nhân khác; quyết định tổ chức lại, giải thể và yêu cầu phá sản công ty; phải góp đủ và đúng hạn vốn điều lệ công ty; phải xác định và tách biệt tài sản của chủ sở hữu công ty với tài sản của công ty, phải tách biệt chi tiêu của cá nhân và gia đình mình với chi tiêu của Chủ tịch công ty, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc,...

Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do tổ chức làm chủ sở hữu có thể được tổ chức quản lí và hoạt động theo một trong hai mô hình: a) Chủ tịch công ty, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc; b) Hội đồng thành viên, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc. Chủ sở hữu công ty là doanh nghiệp nhà nước thì phải thành lập Ban kiểm soát. Hội đồng thành viên có từ 3 đến 7 thành viên do chủ sở hữu công ty bổ nhiệm, miễn nhiệm với nhiệm kì không quá 5 năm. Hội đồng thành viên nhân danh chủ sở hữu công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu công ty; nhân danh công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ quyền và nghĩa vụ của Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc. Chủ tịch công ty do chủ sở hữu công ty bổ nhiệm, nhân danh chủ sở hữu công ty thực hiện quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu công ty; nhân danh công ty thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ quyền và nghĩa vụ của Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc. Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc do Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty bổ nhiệm hoặc thuê với nhiệm kì không quá 5 năm để điều hành hoạt động kinh doanh hằng ngày của công ty.

Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do cá nhân làm chủ sở hữu có Chủ tịch công ty, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc. Chủ sở hữu công ty là Chủ tịch công ty và có thể kiêm hoặc thuê người khác làm Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc; quyền, nghĩa vụ của Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc được quy định tại Điều lệ công ty và hợp đồng lao động.

Công ty cổ phần

Có thể lựa chọn tổ chức quản lí và hoạt động theo một trong hai mô hình: a) Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc; b) Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của công ty, có các quyền và nghĩa vụ cơ bản như: Thông qua định hướng phát triển của công ty; quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần; bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên; quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty; quyết định tổ chức lại, giải thể công ty,... Hội đồng quản trị là cơ quan quản lí công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ cơ bản như: Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty; Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác; bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, kí kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc và người quản lí quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lí đó,... Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty.

Công ty hợp danh

Hội đồng thành viên bao gồm tất cả thành viên có quyền quyết định tất cả công việc kinh doanh của công ty. Các thành viên hợp danh là người đại diện theo pháp luật của công ty và tổ chức điều hành hoạt động kinh doanh hằng ngày của công ty. Hội đồng thành viên bầu một thành viên hợp danh làm Chủ tịch Hội đồng thành viên, đồng thời kiêm Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc.

Doanh nghiệp tư nhân

Chủ doanh nghiệp là người đại diện theo pháp luật và phải chịu trách nhiệm về mọi hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Chủ doanh nghiệp có toàn quyền quyết định đối với tất cả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, với việc sử dụng lợi nhuận sau khi đã nộp thuế và thực hiện nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; có thể trực tiếp hoặc thuê người khác làm Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc để quản lí, điều hành hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Trường hợp

Ở Công ty K, Hội đồng thành viên là cơ quan quyết định cao nhất của công ty, bao gồm tất cả thành viên công ty là cá nhân và người đại diện theo uỷ quyền của thành viên công ty là tổ chức. Tại Công ty H, Hội đồng thành viên do chủ sở hữu công ty bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm, nhân danh chủ sở hữu công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu công ty.

1/ Em hãy cho biết, cách thức tổ chức và hoạt động của công ty cổ phần và công ty hợp danh giống và khác nhau ở những điểm cơ bản nào. Vì sao?

2/ Công ty K và công ty H trong trường hợp trên được tổ chức và hoạt động theo loại hình doanh nghiệp nào? Vì sao?

Cách thức tổ chức và quản lí doanh nghiệp tuỳ thuộc vào từng loại hình doanh nghiệp, có loại hình doanh nghiệp chỉ được tổ chức và quản lí theo một mô hình, song có loại hình doanh nghiệp có thể được tổ chức và hoạt động theo hai mô hình khác nhau.

d) Tổ chức lại và giải thể doanh nghiệp

Tổ chức lại doanh nghiệp là hoạt động cấu trúc lại doanh nghiệp diễn ra trong một công ty hoặc giữa một số công ty bao gồm chia, tách, hợp nhất, sáp nhập công ty và chuyển đổi doanh nghiệp.

Chia công ty

Là hình thức tổ chức lại doanh nghiệp theo đó công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần có thể chia các tài sản, quyền và nghĩa vụ, thành viên, cổ đông của công ty hiện có (gọi là công ty bị chia) để thành lập nhiều công ty mới.

Các công ty mới thành lập phải làm thủ tục đăng kí doanh nghiệp và công ty bị chia chấm dứt tồn tại sau khi các công ty mới được cấp Giấy chứng nhận đăng kí doanh nghiệp.

Thủ tục chia công ty được quy định cụ thể tại Điều 198 Luật Doanh nghiệp năm 2020 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

Tách công ty

Là hình thức tổ chức lại doanh nghiệp theo đó công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần có thể tách bằng cách chuyển một phần tài sản, quyền, nghĩa vụ, thành viên, cổ đông của công ty hiện có (gọi là công ty bị tách) để thành lập một hoặc một số công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần mới (gọi là công ty được tách) mà không chấm dứt tồn tại của công ty bị tách.

Trong trường hợp này, công ty bị tách phải thực hiện đăng kí thay đổi vốn điều lệ, số lượng thành viên, cổ đông tương ứng với phần vốn góp, cổ phần và số lượng thành viên, cổ đông giảm xuống (nếu có); đồng thời phải thực hiện đăng kí doanh nghiệp đối với các công ty được tách.

Việc tách công ty phải tiến hành theo thủ tục được quy định tại Điều 199 Luật Doanh nghiệp năm 2020 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

Hợp nhất công ty

Là hình thức tổ chức lại doanh nghiệp theo đó một số công ty (gọi là công ty bị hợp nhất) có thể hợp nhất thành một công ty mới (gọi là công ty hợp nhất), đồng thời chấm dứt sự tồn tại của các công ty bị hợp nhất.

Công ty hợp nhất phải tiến hành đăng kí kinh doanh theo thủ tục được quy định tại Điều 200 Luật Doanh nghiệp năm 2020 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

Sáp nhập công ty

Là hình thức tổ chức lại doanh nghiệp theo đó một hoặc một số công ty (gọi là công ty bị sáp nhập) có thể sáp nhập vào một công ty khác (gọi là công ty nhận sáp nhập) bằng cách chuyển toàn bộ tài sản, quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp sang công ty nhận sáp nhập, đồng thời chấm dứt sự tồn tại của công ty bị sáp nhập.

Công ty nhận sáp nhập phải tiến hành đăng kí doanh nghiệp theo thủ tục quy định tại Điều 201 Luật Doanh nghiệp năm 2020 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

Chuyển đổi loại hình doanh nghiệp

Là hình thức tổ chức lại doanh nghiệp theo đó một doanh nghiệp thực hiện chuyển thành loại hình doanh nghiệp khác trong sự tồn tại liên tục của doanh nghiệp. Theo quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2020 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) thì chuyển đổi loại hình doanh nghiệp gồm có các hình thức cơ bản sau: Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn thành công ty cổ phần; chuyển đổi công ty cổ phần thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên hoặc công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên; chuyển đổi doanh nghiệp tư nhân thành công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần hoặc công ty hợp danh. Việc chuyển đổi loại hình doanh nghiệp chỉ có thể tiến hành khi có đủ những điều kiện do Luật định và phải theo đúng trình tự, thủ tục được quy định trong Luật Doanh nghiệp.

Giải thể doanh nghiệp: Là quá trình chấm dứt sự tồn tại của doanh nghiệp trong điều kiện doanh nghiệp có khả năng thanh toán hoặc bảo đảm thanh toán các nghĩa vụ tài sản của doanh nghiệp.

Khi tiến hành trình tự, thủ tục giải thể doanh nghiệp mà trong trường hợp doanh nghiệp còn nghĩa vụ tài chính chưa thanh toán thì phải gửi kèm theo nghị quyết, quyết định giải thể và phương án giải quyết nợ đến các chủ nợ, người có quyền, nghĩa vụ và lợi ích có liên quan. Phương án giải quyết nợ phải có tên, địa chỉ của chủ nợ; số nợ, thời hạn, địa điểm và phương thức thanh toán số nợ đó; cách thức và thời hạn giải quyết khiếu nại của chủ nợ.

Việc thanh toán các khoản nợ của doanh nghiệp phải tiến hành theo thứ tự ưu tiên sau: 1/ Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và các quyền lợi khác của người lao động theo thoả ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã kí kết; 2/ Nợ thuế; 3/ Các khoản nợ khác.

Sau khi đã thanh toán chi phí giải thể doanh nghiệp và các khoản nợ, phần còn lại chia cho chủ doanh nghiệp tư nhân, các thành viên, cổ đông hoặc chủ sở hữu công ty theo tỉ lệ sở hữu phần vốn góp, cổ phần.

Điều kiện để giải thể doanh nghiệp

Doanh nghiệp chỉ được giải thể khi bảo đảm thanh toán hết các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác và không trong quá trình giải quyết tranh chấp tại Toà án hoặc Trọng tài.

Các trường hợp giải thể doanh nghiệp

Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ công ty mà không có quyết định gia hạn.

Theo nghị quyết, quyết định của chủ doanh nghiệp đối với doanh nghiệp tư nhân, của Hội đồng thành viên đối với công ty hợp danh, của Hội đồng thành viên, chủ sở hữu công ty đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, của Đại hội đồng cổ đông đối với công ty cổ phần.

Công ty không còn đủ số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của Luật này trong thời hạn 6 tháng liên tục mà không làm thủ tục chuyển đổi loại hình doanh nghiệp.

Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng kí doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lí thuế có quy định khác.

Trình tự, thủ tục giải thể doanh nghiệp gồm các bước:

1/ Thông qua nghị quyết, quyết định giải thể doanh nghiệp.

2/ Chủ doanh nghiệp tư nhân, Hội đồng thành viên hoặc chủ sở hữu công ty, Hội đồng quản trị trực tiếp tổ chức thanh lí tài sản doanh nghiệp, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định thành lập tổ chức thanh lí riêng.

3/ Trong thời hạn 7 ngày làm việc kể từ ngày thông qua, nghị quyết, quyết định giải thể và biên bản họp phải được gửi đến Cơ quan đăng kí kinh doanh, cơ quan thuế, người lao động trong doanh nghiệp. Nghị quyết, quyết định giải thể phải được đăng trên cổng thông tin quốc gia về đăng kí doanh nghiệp và được niêm yết công khai tại trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp.

4/ Cơ quan đăng kí kinh doanh phải thông báo tình trạng doanh nghiệp đang làm thủ tục giải thể trên cổng thông tin quốc gia về đăng kí doanh nghiệp ngay sau khi nhận được nghị quyết, quyết định giải thể của doanh nghiệp.

Trường hợp 1

Công ty Cổ phần C được thành lập và bắt đầu hoạt động từ năm 2015 tại tỉnh B. Năm 2022, để thúc đẩy sự phát triển của công ty, Đại hội đồng cổ đông công ty này đã quyết định tổ chức lại doanh nghiệp bằng cách chuyển một phần tài sản, quyền, nghĩa vụ, cổ đông của Công ty C để thành lập hai công ty cổ phần mới là Công ty Cổ phần D hoạt động ở tỉnh K và Công ty Cổ phần E hoạt động ở tỉnh M.

Trường hợp 2

Trong Điều lệ của Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên T đã ghi rõ thời hạn hoạt động của công ty là 20 năm. Khi đến thời hạn này, nhận thấy hoạt động kinh doanh đạt lợi nhuận thấp, thậm chí có giai đoạn thua lỗ nên chủ sở hữu công ty quyết định không làm thủ tục xin gia hạn thời gian hoạt động mà sẽ giải thể doanh nghiệp để tìm cơ hội kinh doanh khác.

1/ Trong trường hợp 1, việc Công ty C thành lập thêm hai công ty mới là D và E là thuộc hình thức nào trong số các hình thức tổ chức lại doanh nghiệp được nêu ở trên? Vì sao? Nếu sau khi tổ chức lại, Công ty C không đăng kí thay đổi vốn điều lệ, số lượng thành viên, cổ đông tương ứng với phần vốn góp, cổ phần và số lượng thành viên, cổ đông giảm xuống và không tiến hành đăng kí doanh nghiệp đối với các công ty D và E thì có vi phạm pháp luật không? Vì sao?

2/ Ở trường hợp 2, việc quyết định giải thể doanh nghiệp của chủ sở hữu Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên T có phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2020 không? Vì sao?

3/ Theo em, điều kiện để Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T được giải thể doanh nghiệp là gì? Em hãy cho biết trình tự, thủ tục giải thể doanh nghiệp của Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên T bao gồm những bước nào.

Tổ chức lại doanh nghiệp gồm các hình thức chủ yếu là chia, tách, sáp nhập, hợp nhất công ty và chuyển đổi doanh nghiệp.

Doanh nghiệp chỉ được giải thể khi có đủ điều kiện và trong những trường hợp do Luật định. Việc giải thể doanh nghiệp phải được tiến hành theo những trình tự, thủ tục do pháp luật quy định.

LUYỆN TẬP

1. Em có nhận xét gì về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp trong các trường hợp dưới đây?

a. Doanh nghiệp A là công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, kinh doanh vật liệu xây dựng. Trong quá trình kinh doanh, mặc dù có thời gian gặp khó khăn về tài chính, song doanh nghiệp vẫn cố gắng tìm các biện pháp phù hợp để bảo vệ lợi ích cho người lao động như: thoả thuận với người lao động về việc trả thêm lợi tức mỗi khi trả lương cho họ chậm hơn thời hạn đã quy định; thực hiện đúng quy định về bảo đảm vệ sinh, an toàn lao động trong doanh nghiệp.

b. Doanh nghiệp N là công ty cổ phần chuyên kinh doanh các mặt hàng điện tử. Khi kiểm tra hoạt động của các doanh nghiệp tại địa phương, cơ quan nhà nước có thẩm quyền đã phát hiện ra Công ty Cổ phần N kinh doanh một số mặt hàng không có trong giấy phép kinh doanh và một số năm trốn đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế cho người lao động.

2. Theo em, doanh nghiệp được nêu trong các trường hợp dưới đây thuộc loại hình doanh nghiệp nào? Vì sao? Hãy cho biết cách thức tổ chức quản lí của mỗi doanh nghiệp đó.

a. V là một công ty chuyên sản xuất và chế biến sữa bò để cung cấp cho thị trường trong nước và xuất khẩu sang nhiều nước khác. Công ty này do Nhà nước nắm giữ 60% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

b. D là doanh nghiệp do bà E làm chủ, bà tự đăng kí vốn đầu tư, quyết định toàn bộ hoạt động kinh doanh và tự chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình về mọi hoạt động của doanh nghiệp.

3. Em hãy tư vấn cho các nhân vật trong tình huống dưới đây trình tự, thủ tục thành lập doanh nghiệp để thực hiện mục đích kinh doanh của mình.

Ông T, bà Q, ông H và bà K thoả thuận hợp tác kinh doanh gạo xuất khẩu theo loại hình công ty hợp danh, trong đó, ông T và bà Q là chủ sở hữu chung của

công ty, ông H và bà K là thành viên góp vốn. Ông T cam kết góp vốn 5 tỉ đồng, bà Q cam kết góp vốn 3 tỉ đồng, ông H cam kết góp vốn 1 tỉ đồng và bà K cam kết góp vốn 500 triệu đồng.

4. Em hãy xác định hình thức tổ chức lại doanh nghiệp của các doanh nghiệp trong trường hợp dưới đây và cho biết doanh nghiệp sau khi tổ chức lại có thể chuyển đổi sang loại hình doanh nghiệp nào. Vì sao?

Với mong muốn có thêm điều kiện thuận lợi để nâng cao hiệu quả kinh doanh và thu được lợi nhuận cao, các công ty trách nhiệm hữu hạn S và O đã quyết định chấm dứt sự tồn tại bằng cách chuyển toàn bộ tài sản, quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của mình sang Công ty trách nhiệm hữu hạn P.

5. Em hãy cho biết, Công ty X trong trường hợp dưới đây có đủ điều kiện để giải thể doanh nghiệp không. Vì sao?

X là một công ty hợp danh có 3 thành viên là sở hữu chung, chuyên kinh doanh thực phẩm đông lạnh. Sau một thời gian kinh doanh, nhận thấy công việc kinh doanh không đạt hiệu quả như mong muốn nên Hội đồng thành viên Công ty này đã quyết định giải thể công ty để tìm kiếm cơ hội kinh doanh mới có hiệu quả kinh tế cao hơn. Được biết tổng giá trị tài sản hiện có của Công ty là 50 tỉ đồng và tổng số nợ phải thanh toán của công ty là 30 tỉ đồng.

VẬN DỤNG

Em cùng các bạn trong nhóm hãy chuẩn bị và trình bày trước lớp bài viết về việc thực hiện các chính sách, chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế cho người lao động của một doanh nghiệp do nhóm lựa chọn.

CHUYÊN ĐỀ 3

VIỆT NAM TRONG TIẾN TRÌNH HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ

Yêu cầu cần đạt:

- *Bước đầu phân tích được những cơ hội và thách thức đối với Việt Nam trong hội nhập kinh tế quốc tế.*
- *Nêu được đường lối, chính sách hội nhập kinh tế quốc tế của Đảng và Nhà nước ta.*
- *Nêu được những thành tựu và hạn chế trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam và một số biện pháp và chính sách đang áp dụng trong thực tế nhằm giải quyết các vấn đề liên quan đến kinh tế, văn hoá, xã hội trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế.*
- *Trình bày được khái niệm công dân toàn cầu và các vấn đề hợp tác quốc tế, giải quyết xung đột quốc tế về kinh tế trong bối cảnh toàn cầu hoá và hội nhập kinh tế quốc tế.*

MỞ ĐẦU

Hiện nay, trong bối cảnh toàn cầu hoá, hội nhập kinh tế trở thành tất yếu khách quan, là phương thức phát triển phổ biến của quốc gia, nhất là với các nước đang phát triển. Ở nước ta, hội nhập kinh tế quốc tế là một chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước nhằm gắn kết nền kinh tế Việt Nam với nền kinh tế thế giới. Với nhiều chủ trương, chính sách thúc đẩy hội nhập kinh tế quốc tế, kinh tế nước ta đã thu được nhiều thành tựu, hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế toàn cầu, khẳng định vị thế Việt Nam trên trường quốc tế.



Lược đồ 1. Một số mốc cơ bản trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam

Em hãy lựa chọn một sự kiện trong lược đồ trên và trình bày ý nghĩa của sự kiện đó đối với sự phát triển của đất nước.

KHÁM PHÁ

1. CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC ĐỐI VỚI VIỆT NAM TRONG HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ

Hội nhập kinh tế quốc tế mang đến nhiều cơ hội cho tất cả các quốc gia tham gia. Là một quốc gia đang phát triển, hội nhập kinh tế quốc tế giúp Việt Nam tận dụng được nhiều cơ hội của quá trình này để thúc đẩy quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá, rút ngắn khoảng cách với các nước tiên tiến.

Bên cạnh đó, hội nhập kinh tế quốc tế cũng mang lại những thách thức, đòi hỏi chúng ta phải có chiến lược, chính sách đúng đắn, tận dụng được nhiều cơ hội, vượt qua thách thức để hội nhập thành công.

Thông tin 1

Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) được kí kết vào tháng 3 năm 2018. Tại thời điểm kí kết, CPTPP là khối liên kết kinh tế lớn thứ 3 trên thế giới, chỉ sau Hiệp định thương mại tự do Liên minh châu Âu – Nhật Bản (JEFTA) và Liên minh châu Âu (EU); có phạm vi thị trường khoảng hơn 502 triệu dân; tổng GDP vượt trên 10 nghìn tỉ USD, chiếm khoảng 13,5% GDP toàn cầu và khoảng 14% tổng thương mại thế giới;...

Tham gia Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), Việt Nam có được nhiều cơ hội:



(1) Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, chống lại chủ nghĩa bảo hộ mậu dịch đang cản trở tăng trưởng thương mại toàn cầu, được tiếp cận những thị trường tốt hơn.



(2) Tạo cơ hội cho các doanh nghiệp nâng cao năng lực cạnh tranh, cải thiện chất lượng hàng hoá, dịch vụ và phát triển sản xuất, bắt kịp xu hướng phát triển của thế giới, từ đó tham gia hiệu quả hơn vào chuỗi cung ứng toàn cầu.



(3) Tạo cơ hội cho các doanh nghiệp thu hút vốn đầu tư nước ngoài cũng như khả năng tiếp cận công nghệ hiện đại.



(4) Cơ hội mở rộng thị trường xuất khẩu, từ đó thúc đẩy tăng trưởng nhiều ngành sản xuất trong nước: khi xuất khẩu hàng hoá sang thị trường của các nước thành viên được cắt giảm thuế từ hơn 90%, thậm chí lên đến 95%, tăng hàm lượng công nghệ của hàng xuất khẩu, thúc đẩy xuất khẩu hàng hoá sang các thị trường lớn.



(5) Góp phần xoá đói, giảm nghèo và tạo thêm nhiều việc làm, đem lại điều kiện làm việc, mức lương tốt hơn cho người lao động.



(6) Tạo động lực đẩy mạnh cải cách thể chế để mở rộng thị trường, tạo môi trường đầu tư, kinh doanh thông thoáng, minh bạch,...



Bên cạnh đó, Hiệp định cũng đặt ra nhiều thách thức cho Việt Nam như:

Thứ nhất, áp lực cạnh tranh gay gắt từ các doanh nghiệp nước ngoài. Việc mở cửa thị trường, ưu đãi thuế quan tạo nên sức ép cạnh tranh đối với doanh nghiệp Việt Nam trên thị trường nước ngoài cũng như thị trường trong nước do tiềm lực còn yếu, sự liên kết với nhau không cao. Nếu không có biện pháp nâng cao năng lực cạnh tranh, nhiều doanh nghiệp có thể phải đối mặt với nguy cơ thất bại. Chính phủ Việt Nam cũng phải cạnh tranh với Chính phủ các nước trong cải thiện môi trường thu hút đầu tư.

Thứ hai, thách thức về hoàn thiện khuôn khổ pháp luật, thể chế. Hiệp định đòi hỏi các quốc gia phải chủ động và linh hoạt trong cải cách thể chế, chuyển đổi cơ cấu kinh tế, điều chỉnh mô hình tăng trưởng,... tạo sức ép Việt Nam phải điều chỉnh, sửa đổi một số quy định pháp luật về thương mại, hải quan, sở hữu trí tuệ, lao động,...

Thứ ba, thách thức đáp ứng được các tiêu chuẩn cao của FTA thế hệ mới. Hiệp định không chỉ đề cập tới các lĩnh vực truyền thống mà còn xử lí những vấn đề mới như lao động, môi trường, mua sắm của Chính phủ, doanh nghiệp nhà nước, đặt ra các yêu cầu và tiêu chuẩn cao về minh bạch hoá, các quy định về bảo hộ sở hữu trí tuệ,... gây khó khăn khi phải đáp ứng đầy đủ những chuẩn mực về chất lượng hàng xuất khẩu, cạnh tranh nguồn lao động chất lượng cao, một số quy định về xuất xứ nguồn gốc nguyên liệu đầu vào,...

Thông tin 2

Hội nhập kinh tế quốc tế tác động mạnh mẽ đến hội nhập chính trị, tạo điều kiện để Việt Nam xây dựng một xã hội mở, dân chủ, văn minh. Với việc tham gia các tổ chức kinh tế quốc tế lớn; kí kết và thực hiện nhiều hiệp định thương mại tự do,... tạo cơ hội cho Việt Nam có quan hệ thương mại bình đẳng với nhiều quốc gia và vùng lãnh thổ, có tiếng nói quan trọng với ý thức trách nhiệm cao trong các diễn đàn khu vực và thế giới, từ đó từng bước hội nhập về chính trị, đảm bảo an ninh quốc gia, góp phần gìn giữ môi trường hoà bình, ổn định trong khu vực, nâng cao uy tín và vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế.

Với việc đa phương hoá, đa dạng hoá quan hệ quốc tế, hội nhập kinh tế quốc tế tạo tiền đề cho nước ta có cơ hội tiếp thu tri thức, tinh hoa văn hoá nhân loại, các nguồn lực, kinh nghiệm quản lí tiên tiến và sáng tạo những giá trị văn hoá mới, hình thành thị trường tiêu dùng, hưởng thụ văn hoá với nhu cầu ngày càng cao, góp phần làm giàu thêm văn hoá dân tộc và thúc đẩy tiến bộ xã hội.

Hội nhập kinh tế quốc tế giúp Việt Nam đảm bảo an ninh quốc gia, duy trì hoà bình và ổn định ở khu vực và thế giới, đồng thời mở ra khả năng phối hợp giữa các nước để giải quyết những vấn đề chung của nhân loại như môi trường, biến đổi khí hậu, phòng chống tội phạm,...

Thông tin 3

Hội nhập kinh tế quốc tế có thể làm gia tăng sự phụ thuộc của nền kinh tế Việt Nam vào thị trường bên ngoài, làm cho nền kinh tế dễ bị tổn thương trước những tác động từ bên ngoài. Sự hội nhập sâu hơn vào nền kinh tế thế giới tiềm ẩn nguy cơ phụ thuộc, không kiểm soát được thị trường, có thể gây ra rối loạn, thậm chí khủng hoảng kinh tế, tài chính, ảnh hưởng tiêu cực đến sự ổn định và phát triển bền vững của đất nước.

Hội nhập kinh tế làm cho chuyển dịch cơ cấu kinh tế không hợp lí, tranh giành các nguồn tài nguyên thiên nhiên, tạo ra sự phân phối lợi ích không đồng đều giữa các khu vực, các ngành, các vùng, miền đất nước; có những bộ phận dân cư ít được hưởng lợi, thậm chí còn bị tác động tiêu cực; một bộ phận doanh nghiệp có thể bị phá sản, thất nghiệp có thể tăng lên,... từ đó có thể dẫn đến những yếu tố gây bất ổn xã hội, ảnh hưởng đến định hướng xã hội chủ nghĩa của đất nước.

Hội nhập kinh tế quốc tế còn đặt ra những thách thức lớn đối với chế độ chính trị, vai trò lãnh đạo của Đảng và việc giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa, việc bảo đảm quốc phòng, an ninh, giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc, bảo vệ môi trường sinh thái cho phát triển bền vững của đất nước. Nếu như nền kinh tế chỉ tập trung vào việc sản xuất hàng hoá có giá thấp, xuất khẩu sản phẩm thô, ít chú trọng đến tiêu chuẩn môi trường thì có thể dẫn đến cạn kiệt tài nguyên, sản xuất hàng hoá không bền vững, gây ô nhiễm môi trường,...

1/ Em hãy cho biết thông tin 1 và 2 đề cập đến những cơ hội gì cho Việt Nam trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế. Hãy phân tích và làm rõ những cơ hội đó.

2/ Theo em, Hiệp định CPTPP đã dẫn đến những thách thức nào cho doanh nghiệp và thị trường nội địa Việt Nam?

3/ Em hãy kể tên những thách thức đối với nền kinh tế Việt Nam được đề cập ở thông tin 3. Lấy ví dụ trong thực tế để minh hoạ cho những thách thức đó.

Hội nhập kinh tế quốc tế mang lại những cơ hội to lớn cho sự phát triển của đất nước ta:

Tạo điều kiện mở rộng thị trường, tiếp thu khoa học công nghệ tiên tiến, thu hút vốn, chuyển dịch cơ cấu trong nước, tạo môi trường thuận lợi để phát triển kinh tế.

Tạo cơ hội nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

Tạo điều kiện thúc đẩy hội nhập các lĩnh vực văn hoá, chính trị, củng cố an ninh quốc phòng, nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế.

Hội nhập kinh tế quốc tế cũng khiến Việt Nam đứng trước những thách thức:

Về kinh tế: làm gia tăng sự cạnh tranh giữa các doanh nghiệp, quốc gia, nguy cơ mất cân đối cơ cấu kinh tế.

Về chính trị: làm gia tăng sự phụ thuộc của nền kinh tế quốc gia vào thị trường bên ngoài, những thách thức về an ninh quốc gia.

Về văn hoá, xã hội: gia tăng khoảng cách giàu nghèo, bất bình đẳng trong xã hội, ô nhiễm môi trường, cạn kiệt tài nguyên thiên nhiên, những tác động tiêu cực về văn hoá, lối sống.

2. ĐƯỜNG LỐI, CHÍNH SÁCH VÀ GIẢI PHÁP THÚC ĐẨY HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ CỦA VIỆT NAM

a) Đường lối, chính sách hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam

Thông tin

Đại hội Đảng lần thứ XIII đã xác định mục tiêu tổng quát giai đoạn 2021 – 2030, tầm nhìn đến 2045 trong đó nhấn mạnh việc đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới, công nghiệp hoá, hiện đại hoá; xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc, giữ vững môi trường hoà bình, ổn định; phấn đấu đến giữa thế kỉ XXI, nước ta trở thành một nước phát triển, theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Để đạt được mục tiêu đó, Đảng ta xác định phải kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, phát huy tối đa nội lực, tranh thủ ngoại lực: "Thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, đa phương hoá, đa dạng hoá, chủ động, tích cực hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng, có hiệu quả; Đa phương hoá, đa dạng hoá quan hệ kinh tế quốc tế, tránh lệ thuộc vào một thị trường, một đối tác. Nâng cao khả năng chống chịu của nền kinh tế trước tác động tiêu cực từ những biến động của bên ngoài; chủ động hoàn thiện hệ thống phòng vệ để bảo vệ nền kinh tế, doanh nghiệp, thị trường trong nước phù hợp với các cam kết quốc tế. Thực hiện nhiều hình thức hội nhập kinh tế quốc tế với các lộ trình linh hoạt, phù hợp với điều kiện, mục tiêu của đất nước trong từng giai đoạn".

Điều này thể hiện sự nhất quán với đường lối, chính sách đối ngoại và hội nhập kinh tế quốc tế của Đảng ta:

Hội nhập kinh tế quốc tế xuất phát từ yêu cầu xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ, công nghiệp hoá, hiện đại hoá theo định hướng xã hội chủ nghĩa, đòi hỏi hội nhập phải gắn liền với giữ vững độc lập dân tộc và chủ quyền đất nước, phải chủ động hội nhập, dựa vào nguồn lực trong nước là chính đi đôi với tranh thủ tối đa nguồn lực bên ngoài.

Xây dựng nền kinh tế mở, hội nhập với khu vực và thế giới, hướng mạnh về xuất khẩu đồng thời thay thế nhập khẩu bằng những sản phẩm sản xuất trong nước có hiệu quả.

Điều chỉnh cơ cấu thị trường, xây dựng đồng bộ thị trường trong nước (thị trường hàng hoá, thị trường lao động, thị trường tiền tệ, thị trường bất động sản) để đủ sức hội nhập với khu vực và hội nhập toàn cầu; xử lí đúng đắn giữa ta và các đối tác.

Tạo điều kiện phát triển các doanh nghiệp vững mạnh, coi đây là lực lượng xung kích quan trọng trong hội nhập kinh tế quốc tế.

Chủ động tham gia cộng đồng thương mại thế giới, tích cực tham gia các diễn đàn, tổ chức, hiệp định, định chế quốc tế một cách chọn lọc với những bước đi tỉnh táo và phù hợp.

sach-giao-khoa.com

Em hãy cho biết những đường lối, chính sách hội nhập kinh tế quốc tế nào của Đảng và Nhà nước ta được thể hiện trong thông tin trên.

Đường lối hội nhập kinh tế quốc tế của Đảng ta: Thực hiện nhất quán đường lối, chính sách đối ngoại và hội nhập kinh tế quốc tế, lấy lợi ích quốc gia, dân tộc làm cơ sở hàng đầu cho mọi chính sách hội nhập; chủ động, tích cực hội nhập, dựa vào nguồn lực trong nước là chính đi đôi với tranh thủ tối đa nguồn lực bên ngoài; Hội nhập kinh tế quốc tế là nhiệm vụ của cả hệ thống chính trị và toàn dân.

Chính sách hội nhập kinh tế quốc tế của Nhà nước: Chủ động mở cửa nền kinh tế; tích cực hội nhập với khu vực và thế giới; Xây dựng đồng bộ hệ thống thị trường trong nước; Hỗ trợ, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp tham gia hội nhập tích cực;...

b) Giải pháp thúc đẩy hội nhập kinh tế quốc tế ở Việt Nam

Thông tin

Để góp phần thúc đẩy và nâng cao hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế trong bối cảnh hiện nay, Việt Nam cần duy trì sự ổn định và phát triển trên tất cả các lĩnh vực, thực hiện đồng bộ các giải pháp trong đó tập trung vào một số giải pháp đột phá:

Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, thể chế pháp luật, rà soát, sửa đổi, bổ sung các văn bản pháp quy hiện hành đảm bảo tính đồng bộ, minh bạch, hiệu quả, tích cực cải cách hành chính nhằm duy trì môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi, ổn định,...

Cải thiện môi trường kinh doanh, đảm bảo môi trường cạnh tranh lành mạnh. Cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới động lực tăng trưởng kinh tế, nâng cao năng suất lao động, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, tháo gỡ những điểm nghẽn về thể chế tạo điều kiện cho các doanh nghiệp trong nước phát triển ổn định, đủ sức cạnh tranh với các doanh nghiệp nước ngoài. Quản lí và sử dụng hiệu quả tài nguyên; tăng cường bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu;...

Từng bước hoàn thiện thể chế phòng vệ thích hợp với thể chế quốc tế để bảo vệ lợi ích doanh nghiệp, người dân Việt Nam và thị trường trong nước. Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, đặc biệt là đào tạo bồi dưỡng cán bộ am hiểu sâu về môi trường quốc tế, chú trọng phát hiện, bồi dưỡng, đãi ngộ, thu hút nhân tài trong hội nhập quốc tế.

Bảo đảm củng cố quốc phòng, bảo vệ an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội; Giữ vững môi trường hoà bình, ổn định để phát triển đất nước, tạo môi trường thuận lợi cho các nhà đầu tư nước ngoài hợp tác kinh doanh lâu dài. Tạo điều kiện, cơ hội cho phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội, đối ngoại với bảo vệ, phát triển bền vững, hiệu quả ở các vùng, khu vực quan trọng trên cả nước.

(Theo Nghị quyết số 93/NQ-CP của Chính phủ về *Nâng cao hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế, thúc đẩy kinh tế phát triển nhanh và bền vững giai đoạn 2023 – 2030,* ngày 5 – 7 – 2023)

1/ Em hãy chỉ ra các biện pháp cụ thể được đề cập trong thông tin trên nhằm giải quyết các vấn đề liên quan đến kinh tế, văn hoá, xã hội trong hội nhập kinh tế quốc tế ở nước ta hiện nay.

2/ Em hãy kể thêm các biện pháp, chính sách để giải quyết các vấn đề trên trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế của nước ta hiện nay.

Để giải quyết các vấn đề liên quan đến kinh tế, văn hoá xã hội, trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, cần thực hiện một số biện pháp, chính sách sau:

Rà soát, củng cố, hoàn thiện thể chế, chính sách liên quan đến hội nhập quốc tế, cải thiện môi trường kinh doanh, đảm bảo môi trường cạnh tranh lành mạnh.

Thúc đẩy tăng trưởng, phát triển kinh tế bền vững, tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

Hội nhập toàn diện các lĩnh vực văn hoá, xã hội, khoa học công nghệ, an ninh quốc phòng. Giữ vững môi trường hoà bình, ổn định phát triển.

Thực hiện mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh", phát huy giá trị văn hoá, sức mạnh con người Việt Nam trên trường quốc tế.

sach-giao-khoa.com

3. THÀNH TỰU, HẠN CHẾ TRONG QUÁ TRÌNH HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ CỦA VIỆT NAM

Thông tin 1

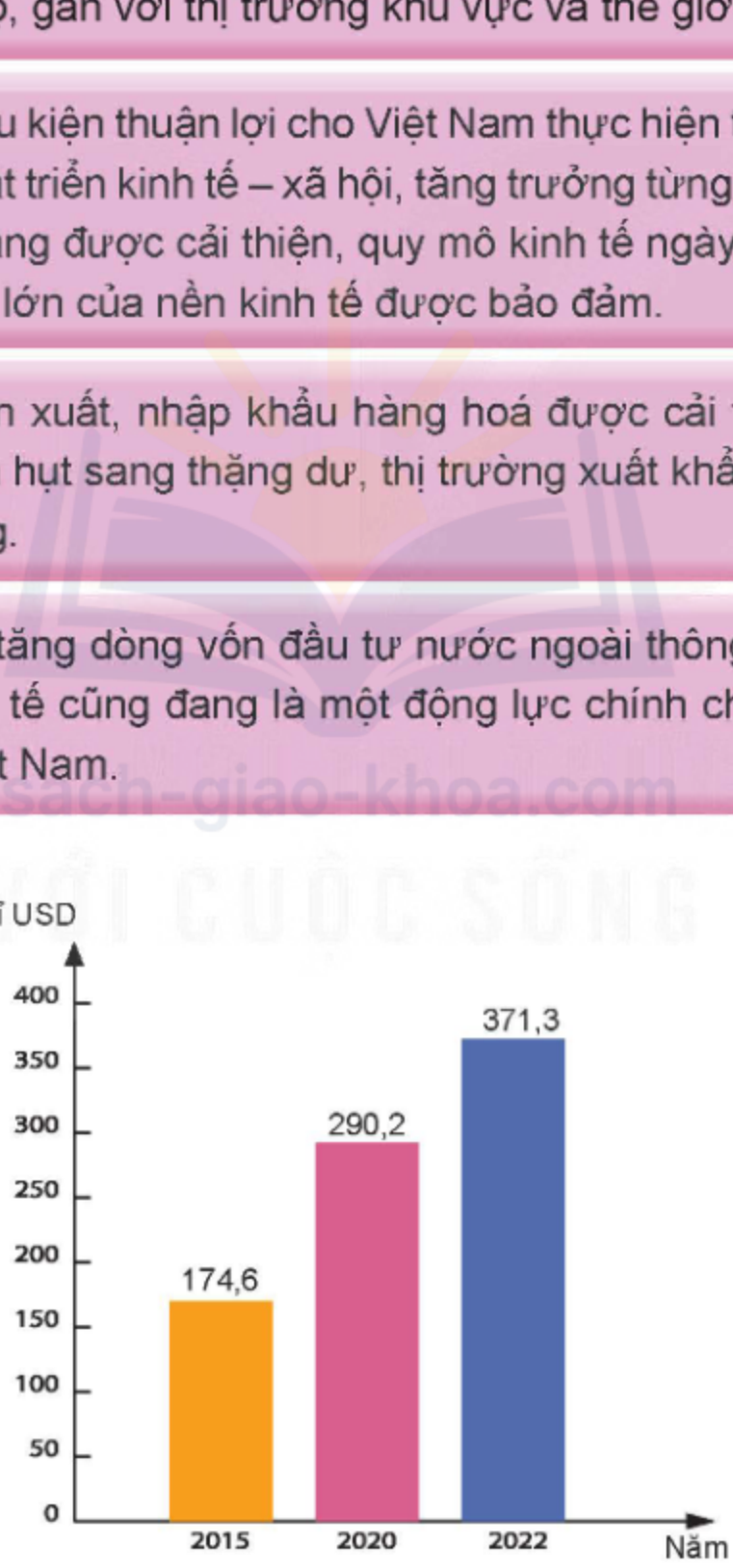
Sau hơn 30 năm đổi mới, công tác hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam ngày càng được triển khai bài bản, có hiệu quả; đóng góp tích cực vào việc triển khai đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, đa phương hoá, đa dạng hoá quan hệ quốc tế; thu hút nguồn lực to lớn cho quá trình phát triển kinh tế – xã hội của đất nước, bảo đảm vững chắc an ninh quốc gia.

Biểu hiện cụ thể qua các lĩnh vực sau:

KINH TẾ

- Hình thành được mạng lưới đối tác kinh tế quốc tế rộng lớn thông qua các khuôn khổ hợp tác song phương, khu vực và đa phương.
- Có quan hệ kinh tế, thương mại, đầu tư với trên 224 nước, vùng lãnh thổ.
- Kí 15 Hiệp định thương mại tự do (FTA) với trên 60 đối tác, đã có 71 đối tác công nhận Việt Nam có nền kinh tế thị trường.
- Các yếu tố thị trường và các loại thị trường từng bước phát triển đồng bộ, gắn với thị trường khu vực và thế giới.
- Tạo điều kiện thuận lợi cho Việt Nam thực hiện thành công các mục tiêu phát triển kinh tế – xã hội, tăng trưởng từng bước vững chắc và ngày càng được cải thiện, quy mô kinh tế ngày càng mở rộng, các cân đối lớn của nền kinh tế được bảo đảm.
- Cán cân xuất, nhập khẩu hàng hoá được cải thiện rõ rệt, chuyển từ thâm hụt sang thặng dư, thị trường xuất khẩu được mở rộng và đa dạng.
- Sự gia tăng dòng vốn đầu tư nước ngoài thông qua hội nhập kinh tế quốc tế cũng đang là một động lực chính cho phát triển kinh tế của Việt Nam.

sách-giáo-khoa.com



Biểu đồ 1. Mức độ gia tăng kim ngạch xuất khẩu Việt Nam giai đoạn 2015 – 2022

(Theo Tổng cục Thống kê, *Niên giám thống kê các năm 2020, 2022*, NXB Thống kê)

ĐỐI NGOẠI

- Thiết lập quan hệ chính thức với 189/193 quốc gia.
- Thiết lập quan hệ với 247 chính đảng ở 111 quốc gia.
- Có quan hệ với quốc hội, nghị viện của hơn 140 quốc gia.

CHÍNH TRỊ, XÃ HỘI

- Hệ thống pháp luật, cơ chế chính sách ngày càng hoàn thiện, phù hợp với yêu cầu xây dựng nền kinh tế thị trường hiện đại, hội nhập.
- Đời sống nhân dân được nâng cao, an sinh xã hội được chăm lo, đảm bảo hơn.
- Hội nhập kinh tế trong các lĩnh vực: xã hội, môi trường, khoa học, giáo dục và đào tạo, văn hoá, du lịch,... đạt nhiều thành tựu.

Thông tin 2

Một số hạn chế trong hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam:

Trong công tác tổ chức hoàn thiện pháp luật, việc nhận thức về ý nghĩa, vai trò, tầm quan trọng, thời cơ cũng như thách thức, đặc biệt là ở cấp địa phương trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, hiểu biết đầy đủ các cam kết quốc tế của Việt Nam để nội luật hoá thành các quy phạm pháp luật trong nước theo hướng linh hoạt, bảo đảm an ninh quốc gia, bảo vệ lợi ích tối đa của Nhà nước, cơ quan tổ chức, doanh nghiệp, công dân Việt Nam còn chưa thực sự tốt.

Sức cạnh tranh của nền kinh tế, doanh nghiệp và sản phẩm của nước ta mặc dù đã được cải thiện nhưng vẫn còn yếu so với thế giới, kể cả các nước trong khu vực. Hiệu quả tận dụng cơ hội, lợi ích từ các cam kết quốc tế trong một số lĩnh vực như khoa học công nghệ, giáo dục – đào tạo,... còn hạn chế.

Sự thống nhất, đồng bộ liên thông giữa các lĩnh vực chính trị, an ninh quốc gia,... với kinh tế và những nhóm ngành trên lĩnh vực kinh tế, thương mại cũng như giữa các bộ ngành, địa phương, hỗ trợ của Nhà nước đối với cộng đồng doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp tư nhân, vẫn còn những hạn chế nhất định.

Hội nhập kinh tế quốc tế chưa thực sự gắn kết chặt chẽ với yêu cầu nâng cao chất lượng, hiệu quả và phát triển bền vững của nền kinh tế; mức độ đổi mới tư duy, sáng tạo trong suy nghĩ, quyết liệt trong hành động chưa thực sự cao.

(Theo *Nghị quyết số 93/NQ-CP của Chính phủ về Nâng cao hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế, thúc đẩy kinh tế phát triển nhanh và bền vững giai đoạn 2023 – 2030*, ngày 5 – 7 – 2023)

1/ Em hãy nêu một số dẫn chứng thực tế minh hoạ cho những thành tựu đạt được trong hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam được đề cập ở thông tin 1.

2/ Theo em, thông tin 2 đề cập đến những hạn chế nào của Việt Nam trong hội nhập kinh tế quốc tế? Hãy nêu ví dụ thực tế làm rõ thêm hạn chế của hội nhập kinh tế quốc tế nước ta và cho biết điều đó ảnh hưởng thế nào đến hiệu quả hội nhập.

Với sự nỗ lực của cả hệ thống chính trị, tích cực hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế thế giới, Việt Nam đã đạt được nhiều thành tựu trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, cụ thể:

Về kinh tế: Kí kết nhiều hiệp định thương mại tự do (FTA) quan trọng, mở rộng quan hệ thương mại quốc tế tới nhiều quốc gia, vùng lãnh thổ, cải thiện cán cân thương mại, thu hút được nhiều vốn đầu tư nước ngoài, đóng góp quan trọng vào tăng trưởng và phát triển của nền kinh tế.

Về đối ngoại: Mở rộng quan hệ hợp tác với nhiều quốc gia trên thế giới, tham gia nhiều hình thức hội nhập quốc tế.

Về chính trị, văn hoá, xã hội: Thực hiện cải cách hành chính, hoàn thiện thể chế, góp phần nâng cao vị thế của đất nước trên trường quốc tế; phát triển khoa học công nghệ, tăng năng suất lao động, phát huy sức mạnh giá trị văn hoá, con người Việt Nam trên thế giới.

Bên cạnh những thành tựu đó, quá trình hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam còn một số hạn chế như:

Nền kinh tế quốc gia phát triển chưa bền vững.

Năng lực cạnh tranh của quốc gia và của các doanh nghiệp Việt Nam còn thấp.

Chất lượng các doanh nghiệp FDI vẫn bộc lộ nhiều hạn chế.

Cơ chế chỉ đạo, điều hành, phối hợp thực hiện và giám sát quá trình hội nhập từ trung ương đến địa phương, giữa các ban ngành còn một số bất cập.

Chất lượng nguồn nhân lực và kết cấu hạ tầng chậm được cải thiện.

Năng lực đội ngũ cán bộ công chức, doanh nhân chưa đáp ứng được yêu cầu hội nhập.

4. CÔNG DÂN TOÀN CẦU, HỢP TÁC QUỐC TẾ VÀ GIẢI QUYẾT XUNG ĐỘT QUỐC TẾ VỀ KINH TẾ TRONG BỐI CẢNH TOÀN CẦU HOÁ VÀ HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ

a) Công dân toàn cầu

Thông tin

Quan niệm về công dân toàn cầu được đề cập trong một số tài liệu của các tổ chức quốc tế như UNESCO, UNICEF, Oxfam Education,...

Theo UNICEF, công dân toàn cầu là người hiểu về các kết nối, tôn trọng sự đa dạng; không chấp nhận, chống lại sự bất công và thực hiện các hành động có ý nghĩa.

Tổ chức giáo dục Oxfam Education quan niệm: công dân toàn cầu là người am hiểu sâu sắc về nhu cầu giải quyết sự bất công, bình đẳng và luôn mong muốn có khả năng làm việc tích cực để giải quyết vấn đề đó.

Dưới đây là một số biểu hiện của người công dân toàn cầu:

Kiến thức và hiểu biết	Kĩ năng	Giá trị và thái độ
Bình đẳng và công bằng xã hội	Tư duy phản biện và sáng tạo	Ý thức về bản sắc và lòng tự trọng
Bản sắc và sự đa dạng	Đồng cảm	Cam kết thực hiện bình đẳng và công bằng xã hội
Toàn cầu hoá và sự phụ thuộc lẫn nhau	Tự nhận thức và phản ánh	Tôn trọng con người và quyền con người
Phát triển bền vững	Giao tiếp	Quan tâm đến môi trường và cam kết với phát triển bền vững
Hoà bình và xung đột	Hợp tác và giải quyết xung đột	Trân trọng, đánh giá cao sự đa dạng
Quyền con người	Khả năng quản lí sự phức tạp và không chắc chắn	Cam kết tham gia và hoà nhập
Quyền lực và quản trị	Hành động có thông tin và suy xét	Niềm tin rằng mọi người có thể thay đổi

1/ Thông tin trên cho biết một công dân toàn cầu có những biểu hiện về kiến thức, kĩ năng, thái độ nào?

2/ Em hiểu thế nào là công dân toàn cầu?

Công dân toàn cầu là người có hiểu biết về thế giới; biết tôn trọng sự đa dạng của các giá trị trong các nền văn hoá và biết chịu trách nhiệm về hành động của mình, ý thức được vai trò của bản thân như một công dân thế giới, tích cực tham gia các hoạt động cộng đồng từ địa phương đến toàn cầu; sẵn sàng hợp tác với người khác để làm cho thế giới trở nên công bằng và bền vững hơn.

b) Hợp tác quốc tế và giải quyết xung đột quốc tế về kinh tế trong bối cảnh toàn cầu hoá và hội nhập quốc tế

Thông tin 1

Văn kiện Tầm nhìn Cộng đồng ASEAN năm 2025 khẳng định mục tiêu tổng quát là đưa ASEAN trở thành một cộng đồng được thiết lập với ba trụ cột là Cộng đồng Chính trị – An ninh, Cộng đồng Kinh tế và Cộng đồng Văn hoá – Xã hội vì mục đích bảo đảm hoà bình, ổn định và thịnh vượng chung trong khu vực; một tổ chức hợp tác khu vực mở có mức độ liên kết sâu rộng. Nâng cao khả năng tự cường khu vực thông qua đẩy mạnh hợp tác chính trị, an ninh, kinh tế và văn hoá – xã hội: thu hẹp khoảng cách phát triển trong ASEAN thông qua hợp tác và giúp đỡ lẫn nhau; phát triển nguồn nhân lực thông qua hợp tác chặt chẽ hơn trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ; hợp tác trong việc xây dựng cho ASEAN một môi trường an toàn, an ninh và không có ma tuý;...

Thông tin 2

Trong bối cảnh toàn cầu hoá, các hoạt động hợp tác thương mại, đầu tư giữa các quốc gia ngày càng phát triển. Bên cạnh những tác động tích cực thì các tranh chấp thương mại quốc tế cũng ngày càng gia tăng, trong đó nguyên nhân từ những quy định khác biệt đan xen giữa các khuôn khổ hiệp định. Các quốc gia khi tham gia các Hiệp định thương mại tự do cũng có các tiêu chuẩn khác nhau và gặp những thách thức trong quá trình thực thi. Điều này đòi hỏi các nước phải tăng cường hợp tác, đổi mới, hoàn thiện cơ chế giải quyết tranh chấp. Một loạt công ước liên quan đến giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế được nhiều nước kí kết và gia nhập như Công ước New York năm 1958 về công nhận và thi hành phán quyết trọng tài nước ngoài, Công ước Viên năm 1969, Công ước La Hay năm 1970 về thu thập chứng cứ ở nước ngoài

trong lĩnh vực dân sự hoặc thương mại, Công ước Liên hợp quốc về thoả thuận quốc tế giải quyết tranh chấp thông qua hoà giải,...

Khi có tranh chấp thương mại, Việt Nam luôn khuyến khích các bên tranh chấp lựa chọn cơ chế thương lượng, hoà giải, trọng tài trước khi đưa ra Toà án để giải quyết.

Để giải quyết xung đột điều ước quốc tế cho Việt Nam, cần thực hiện các nguyên tắc sau:

Thông qua thoả thuận về sửa đổi, bổ sung hoặc giải thích điều ước đa phương giữa các quốc gia thành viên.

Đề xuất huỷ bỏ điều khoản xung đột hoặc yêu cầu chấm dứt hiệu lực điều ước quốc tế song phương về tự do thương mại.

Vận dụng các quy định về hiệu lực của điều ước quốc tế theo Công ước Viên năm 1969 trong kí kết và thực hiện điều ước quốc tế.

Kết hợp với đàm phán chính trị, ngoại giao để giải quyết.

1/ Từ thông tin 1, em hãy cho biết các quốc gia thành viên trong Cộng đồng ASEAN đã cam kết hợp tác với nhau trong các lĩnh vực chính trị, kinh tế, an ninh quốc phòng, văn hoá xã hội như thế nào.

2/ Thông tin 2 cho biết nguyên tắc giải quyết các xung đột về kinh tế diễn ra trong tiến trình hội nhập quốc tế ở nước ta như thế nào?

sách-giáo-khoa.com

Trong xu thế toàn cầu hoá, hội nhập kinh tế quốc tế, hợp tác quốc tế giữa các quốc gia trên thế giới, trong đó có Việt Nam ngày càng được mở rộng, phát triển, thiết thực và hiệu quả.

Về phương diện chính trị: Đối thoại và hợp tác trở thành công cụ giúp các quốc gia hướng tới hoà bình, ổn định, phát triển.

Về phương diện kinh tế: Hợp tác quốc tế cho phép tự do hoá thương mại, tăng cường đầu tư quốc tế, phát triển các tập đoàn kinh tế vươn tầm ảnh hưởng tới mọi khu vực, vùng, lãnh thổ trên thế giới,...

Về văn hoá, xã hội: Hợp tác quốc tế mở rộng cơ hội giao lưu, học tập, tiếp cận và tiếp thu những thành tựu khoa học kĩ thuật tiên tiến, tiếp xúc với phong tục, tập quán, ngôn ngữ, nghệ thuật,... của những nền văn hoá khác nhau.

Trong giải quyết xung đột quốc tế về kinh tế cần ưu tiên cơ chế thương lượng, hoà giải, trọng tài, đảm bảo nguyên tắc ứng phó và xử lí linh hoạt trước

diễn biến trên thế giới, hoàn thiện hệ thống phòng vệ thương mại để bảo vệ nền kinh tế, doanh nghiệp, thị trường trong nước phù hợp với cam kết quốc tế. Đồng thời cần sử dụng pháp luật quốc tế trong bảo vệ quyền lợi chính đáng của Việt Nam để giải quyết các xung đột, nhất là các vấn đề về cạnh tranh thương mại, về nhân lực, khoa học công nghệ, môi trường,...

LUYỆN TẬP

1. Em hãy bày tỏ ý kiến của mình về những quan điểm dưới đây:

a. Trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế phải giữ vững độc lập, tự chủ.

b. Đường lối, chính sách hội nhập kinh tế quốc tế phải góp phần tăng cường sức mạnh nội sinh của quốc gia.

c. Quá trình hội nhập kinh tế quốc tế cần phải bảo vệ môi trường, tài nguyên thiên nhiên của đất nước.

d. Trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế cần tạo điều kiện, hỗ trợ cho doanh nghiệp Việt Nam ngày càng lớn mạnh.

2. Em hãy chỉ ra hạn chế về chất lượng nhân lực Việt Nam khi tham gia hội nhập kinh tế. Theo em, cần làm gì để khắc phục hạn chế đó, đáp ứng yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế?

3. Em hãy chuẩn bị bài thuyết trình về những cơ hội và thách thức đối với thanh niên Việt Nam trong hội nhập kinh tế quốc tế hiện nay. Em sẽ làm gì để tận dụng được cơ hội và vượt qua thách thức đó?

4. Em hãy sưu tầm thông tin về một hợp tác kinh tế song phương của Việt Nam với một quốc gia trên thế giới và giới thiệu những cơ hội mang lại từ quan hệ hợp tác này đối với nước ta.

5. Em hãy chuẩn bị bài thuyết trình về chủ đề "Công dân toàn cầu" với những nội dung gợi ý dưới đây:

Những phẩm chất cần thiết của người công dân toàn cầu.

Làm thế nào để trở thành công dân toàn cầu.

VẬN DỤNG

1. Em hãy sưu tầm thông tin, hình ảnh để giới thiệu về thành tựu hoạt động du lịch quốc tế của Việt Nam trong những năm gần đây.
2. Em hãy viết bài giới thiệu về một thành tựu trong hội nhập kinh tế quốc tế của địa phương em.

MỘT SỐ THUẬT NGỮ DÙNG TRONG SÁCH

Thuật ngữ	Giải thích thuật ngữ	Trang
Cổ đông	là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần.	19, 21, 23, 25, 26, 27, 28, 29
Giấy chứng nhận đăng kí doanh nghiệp	là văn bản bằng bản giấy hoặc bản điện tử ghi lại những thông tin về đăng kí doanh nghiệp mà Cơ quan đăng kí kinh doanh cấp cho doanh nghiệp.	17, 19, 22, 23, 26, 28
Góp vốn	là việc góp tài sản để tạo thành vốn điều lệ của công ty, bao gồm góp vốn để thành lập công ty hoặc góp thêm vốn điều lệ của công ty đã được thành lập.	16, 17, 18, 19, 20, 21, 31
Phần vốn góp	là tổng giá trị tài sản của một thành viên đã góp hoặc cam kết góp vào công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp danh. Tỉ lệ phần vốn góp là tỉ lệ giữa phần vốn góp của một thành viên và vốn điều lệ của công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp danh.	16, 18, 19, 20, 21, 27, 28, 29

DANH SÁCH TRANH ẢNH SỬ DỤNG

Trang	Số thứ tự ảnh	Nguồn trích dẫn
34	3	www.shutterstock.com

Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam xin trân trọng cảm ơn các tác giả có tác phẩm, tư liệu được sử dụng, trích dẫn trong cuốn sách này.

Chịu trách nhiệm xuất bản:
Chủ tịch Hội đồng thành viên – Tổng Giám đốc NGUYỄN TIẾN THANH

Chịu trách nhiệm nội dung:
Tổng biên tập PHẠM VĨNH THÁI

Biên tập lần đầu: HOÀNG KIM LIÊN – NGUYỄN TẤT THẮNG
Biên tập tái bản: HOÀNG KIM LIÊN
Biên tập mĩ thuật: NGUYỄN BÍCH LA
Thiết kế sách: NGUYỄN THUÝ QUỲNH
Trình bày bìa: NGUYỄN BÍCH LA
Minh hoạ: NGUYỄN BÍCH LA
Sửa bản in: VŨ THỊ THANH TÂM
Chế bản: CTCP MĨ THUẬT VÀ TRUYỀN THÔNG

Bản quyền © (2024) thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

Xuất bản phẩm đã đăng kí quyền tác giả. Tất cả các phần của nội dung cuốn sách này đều không được sao chép, lưu trữ, chuyển thể dưới bất kì hình thức nào khi chưa có sự cho phép bằng văn bản của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

CHUYÊN ĐỀ HỌC TẬP GIÁO DỤC KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT 12

Mã số: G1HHZY004h26
In ..... bản, (QĐ ... - NXBGDHN) khổ 19 x 26,5 cm.
Đơn vị in:.....
Cơ sở in:.....
Số ĐKXB: 7-2026/CXBIPH/211-09/GD
Số QĐXB: .../QĐ-GD-HN ngày ... tháng ... năm .....
In xong và nộp lưu chiểu quý ..... năm .....
Mã số ISBN: 978-604-0-39280-0



HUÂN CHƯƠNG HỒ CHÍ MINH

BỘ SÁCH GIÁO KHOA LỚP 12 – KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

1. Ngữ văn 12, tập một
2. Ngữ văn 12, tập hai
3. Chuyên đề học tập Ngữ văn 12
4. Toán 12, tập một
5. Toán 12, tập hai
6. Chuyên đề học tập Toán 12
7. Lịch sử 12
8. Chuyên đề học tập Lịch sử 12
9. Địa lí 12
10. Chuyên đề học tập Địa lí 12
11. Giáo dục kinh tế và pháp luật 12
12. Chuyên đề học tập Giáo dục kinh tế và pháp luật 12
13. Vật lí 12
14. Chuyên đề học tập Vật lí 12
15. Hoá học 12
16. Chuyên đề học tập Hoá học 12
17. Sinh học 12
18. Chuyên đề học tập Sinh học 12
19. Công nghệ 12 – Công nghệ Điện – Điện tử
20. Chuyên đề học tập Công nghệ 12 – Công nghệ Điện – Điện tử
21. Công nghệ 12 – Lâm nghiệp – Thuỷ sản
22. Chuyên đề học tập Công nghệ 12 – Lâm nghiệp – Thuỷ sản
23. Tin học 12 – Định hướng Tin học ứng dụng
24. Chuyên đề học tập Tin học 12 – Định hướng Tin học ứng dụng
25. Tin học 12 – Định hướng Khoa học máy tính
26. Chuyên đề học tập Tin học 12 – Định hướng Khoa học máy tính
27. Mĩ thuật 12 – Thiết kế mĩ thuật đa phương tiện
28. Mĩ thuật 12 – Thiết kế đồ hoạ
29. Mĩ thuật 12 – Thiết kế thời trang
30. Mĩ thuật 12 – Thiết kế mĩ thuật sân khấu, điện ảnh
31. Mĩ thuật 12 – Lí luận và lịch sử mĩ thuật
32. Mĩ thuật 12 – Điêu khắc
33. Mĩ thuật 12 – Kiến trúc
34. Mĩ thuật 12 – Hội hoạ
35. Mĩ thuật 12 – Đồ hoạ (tranh in)
36. Mĩ thuật 12 – Thiết kế công nghiệp
37. Chuyên đề học tập Mĩ thuật 12
38. Âm nhạc 12
39. Chuyên đề học tập Âm nhạc 12
40. Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 12
41. Giáo dục thể chất 12 – Bóng chuyền
42. Giáo dục thể chất 12 – Bóng đá
43. Giáo dục thể chất 12 – Cầu lông
44. Giáo dục thể chất 12 – Bóng rổ
45. Giáo dục quốc phòng và an ninh 12
46. Tiếng Anh 12 – Global Success – Sách học sinh

sách-giáo-khoa.com

Website: https://www.nxbgd.vn

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

ISBN 978-604-0-39280-0

9 786040 392800

Giá: 8.000 đ